

THPT CHU VĂN AN

Huyện/Quận/Thị xã/Thành phố: Huyện Cần Đức

Tỉnh/Thành phố: Tỉnh Long An

SỔ THEO DÕI VÀ ĐÁNH GIÁ HỌC SINH
CẤP TRUNG HỌC PHỔ THÔNG

LỚP 12A2

NĂM HỌC: 2024-2025

THPT CHU VĂN AN

Huyện/Quận/Thị xã/Thành phố: Huyện Cần Đức

Tỉnh/Thành phố: Tỉnh Long An

SỔ THEO DÕI VÀ ĐÁNH GIÁ HỌC SINH

CẤP TRUNG HỌC PHỔ THÔNG

TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG
THPT CHU VĂN AN

Xã (phường, thị trấn): Thị trấn Cần Đức

Huyện (quận, TX, TP thuộc tỉnh): Huyện Cần Đức

Tỉnh(thành phố): Tỉnh Long An

Lớp 12A2 Năm học: 2024-2025

GIÁO VIÊN CHỦ NHIỆM

(Ký và ghi rõ họ tên)

Hiệu trưởng

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Nguyễn Bùi Yên Khanh

Nguyễn Minh Triều

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG SỔ THEO DÕI VÀ ĐÁNH GIÁ HỌC SINH

1. Sổ theo dõi và đánh giá học sinh (theo lớp học) được quy định tại Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học.
2. Sổ theo dõi và đánh giá học sinh (theo lớp học) do nhà trường quản lý và sử dụng.
3. Giáo viên môn học trực tiếp ghi vào Sổ theo dõi và đánh giá học sinh (theo lớp học) đầy đủ các thông tin cần thiết của môn học do giáo viên phụ trách, khớp với các thông tin trong Sổ theo dõi và đánh giá học sinh (của giáo viên), kí tên và ghi rõ họ tên vào cuối danh sách học sinh đối với từng môn học. Trường hợp có nhiều giáo viên cùng tham gia dạy học thì các giáo viên môn học cùng kí tên và ghi rõ họ tên vào cuối danh sách học sinh đối với từng môn học.

Giáo viên chủ nhiệm trực tiếp ghi vào Sổ theo dõi và đánh giá học sinh (theo lớp học) những thông tin thuộc nhiệm vụ quy định cho giáo viên chủ nhiệm lớp.
4. Không ghi bằng mực đỏ (trừ trường hợp sửa chữa), các loại mực có thể tẩy xóa được; việc ghi Sổ theo dõi và đánh giá học sinh (theo lớp học) phải cập nhật đúng tiến độ thời gian theo kế hoạch dạy học và giáo dục của tổ chuyên môn và bảo quản, giữ gìn cẩn thận, sạch sẽ.
5. Khi sửa chữa dùng bút đỏ gạch ngang nội dung cũ, ghi nội dung mới vào phía trên bên phải vị trí ghi nội dung cũ, ký xác nhận về sự sửa chữa ở ngay cạnh hoặc ở cột Ghi chú.
6. Nhà trường, giáo viên chủ nhiệm lớp, giáo viên môn học chỉ cung cấp các thông tin về kết quả rèn luyện và học tập của học sinh trong Sổ theo dõi và đánh giá học sinh (theo lớp học) cho riêng từng học sinh hoặc cha mẹ học sinh.

SƠ YẾU LÝ LỊCH HỌC SINH

Số TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Nam/ Nữ	Đối tượng ưu tiên	Địa chỉ gia đình
1	Nguyễn Phạm Đình An	04/09/2007	Tp Hồ Chí Minh	Kinh	Nam		Ấp 3, xã Tân Ân, huyện Cần Đức, tỉnh Long An
2	Nguyễn Thị Kim Anh	09/01/2007	Long An	Kinh	Nữ		Ấp 2, xã Phước Đông, huyện Cần Đức, tỉnh Long An
3	Dương Tuấn Anh	13/03/2007	Tp.HCM	Kinh	Nam		104A Khu 1B, Thị Trấn Cần Đức, Huyện Cần Đức, Tỉnh Long An
4	Trần Huỳnh Văn Anh	22/05/2007	Long An	Kinh	Nữ		Ấp 2, xã Phước Tuy, huyện Cần Đức, tỉnh Long An
5	Lê Quốc Cường	26/10/2007	Long An	Kinh	Nam		314 ấp Đông Trung, xã Tân Chánh, huyện Cần Đức, tỉnh Long An
6	Nguyễn Thành Đại	13/12/2007	Tp Hồ Chí Minh	Kinh	Nam		Ấp Đông Nhì, xã Tân Chánh, huyện Cần Đức, tỉnh Long An
7	Phạm Minh Đạt	25/02/2007	Long An	Kinh	Nam		Ấp 3, xã Phước Tuy, huyện Cần Đức, tỉnh Long An
8	Nguyễn Trường Giang	07/10/2007	Long An	Kinh	Nữ		Ấp Hòa Quới, xã Tân Chánh, huyện Cần Đức, tỉnh Long An
9	Vương Ngọc Gia Hân	08/10/2007	Long An	Kinh	Nữ		200B khu 5, Thị Trấn Cần Đức, Huyện Cần Đức, tỉnh Long An
10	Cao Nguyễn Gia Hân	03/06/2007	Tp.HCM	Kinh	Nữ		599 ấp 5, xã Phước Đông, huyện Cần Đức, tỉnh Long An
11	Nguyễn Huỳnh Ngọc Hân	14/02/2007	Tp Hồ Chí Minh	Kinh	Nữ		Ấp 3, xã Phước Đông, huyện Cần Đức, tỉnh Long An
12	Lê Trọng Hiếu	06/02/2007	Long An	Kinh	Nam		267 khu 3, thị trấn Cần Đức, huyện Cần Đức, tỉnh Long An
13	Nguyễn Văn Hiếu	14/02/2007	Tp Hồ Chí Minh	Kinh	Nam		Ấp 4, xã Tân Ân, huyện Cần Đức, tỉnh Long An
14	Nguyễn Ngọc Minh Huy	04/12/2007	Long An	Kinh	Nam		Ấp Xóm Mới, Xã Tân Lân, huyện Cần Đức, tỉnh Long An
15	Nguyễn Kelly	15/05/2007	Tp Hồ Chí Minh	Kinh	Nữ		16 khu 3, thị trấn Cần Đức, huyện Cần Đức, tỉnh Long An
16	Đỗ Hữu Khang	05/02/2007	Tp Hồ Chí Minh	Kinh	Nam		Ấp 5, xã Tân Ân, huyện Cần Đức, tỉnh Long An
17	Phạm Hữu Khánh	14/04/2007	Tp Hồ Chí Minh	Kinh	Nam		Ấp 2, xã Phước Đông, huyện Cần Đức, tỉnh Long An
18	Nguyễn Trung Kiên	06/10/2007	Hậu Giang	Kinh	Nam		Ấp Bình Hoà, Xã Tân Lân, huyện Cần Đức, tỉnh Long An
19	Dương Minh Kiệt	06/09/2007	Tp Hồ Chí Minh	Kinh	Nam		Ấp 3, xã Tân Ân, huyện Cần Đức, tỉnh Long An
20	Nguyễn Ngọc Lâm	02/08/2007	Hậu Giang	Kinh	Nam		Khu Dân Cư Ấp 5, xã Phước Đông, huyện Cần Đức, tỉnh Long An
21	Lê Ngọc Liễu	19/11/2007	Tp Hồ Chí Minh	Kinh	Nữ		Ấp Bà Nghia, xã Tân Chánh, huyện Cần Đức, tỉnh Long An
22	Huỳnh Thị Yến Linh	11/01/2007	Long An	Kinh	Nữ		98 khu 4, Thị Trấn Cần Đức, huyện Cần Đức, tỉnh Long An
23	Trần Quang Lộc	07/06/2007	Tp Hồ Chí Minh	Kinh	Nam		ấp 2A, xã Tân Ân, huyện Cần Đức, tỉnh Long An
24	Nguyễn Thị Phụng Nghi	26/11/2007	Tp Hồ Chí Minh	Kinh	Nữ		Ấp 4, xã Phước Đông, huyện Cần Đức, tỉnh Long An
25	Nguyễn Bảo Ngọc	23/04/2007	Long An	Kinh	Nữ		Ấp Rạch Bọng, xã Tân Lân, huyện Cần Đức, tỉnh Long An
26	Dương Trọng Nhân	02/03/2007	Tp Hồ Chí Minh	Kinh	Nam		Ấp 3, Tân Ân, huyện Cần Đức, tỉnh Long An
27	Đỗ Nhựt Ninh	04/10/2007	Tp Hồ Chí Minh	Kinh	Nam		Ấp 3, xã Phước Đông, huyện Cần Đức, tỉnh Long An
28	Nguyễn Thiên Phúc	18/06/2007	Long An	Kinh	Nam		364 khu 2, thị trấn Cần Đức, huyện Cần Đức, tỉnh Long An
29	Vô Ngô Mỹ Quyên	09/08/2007	Long An	Kinh	Nữ		Ấp 7, xã Phước Tuy, huyện Cần Đức, tỉnh Long An
30	Vô Dương Tố Quyên	23/08/2007	Trà Vinh	Kinh	Nữ		Ấp 5, xã Phước Đông, huyện Cần Đức, tỉnh Long An
31	Trần Phúc Phương Quỳnh	28/05/2007	Long An	Kinh	Nữ		Ấp 3, xã Phước Tuy, huyện Cần Đức, tỉnh Long An
32	Nguyễn Thanh Thanh	10/08/2007	Tp.HCM	Kinh	Nữ		61A Khu 1C, thị trấn Cần Đức, huyện Cần Đức, tỉnh Long An
33	Phan Thanh Thảo	16/09/2005	Tp.HCM	Kinh	Nữ		Khu 7, thị trấn Cần Đức, huyện Cần Đức, tỉnh Long An
34	Nguyễn Thị Thanh Thảo	29/04/2007	Tp Hồ Chí Minh	Kinh	Nữ		Ấp Hoà Quới, xã Tân Chánh, huyện Cần Đức, tỉnh Long An
35	Nguyễn Chí Thiện	12/07/2007	Tp.HCM	Kinh	Nam		Ấp 7, xã Tân Ân, huyện Cần Đức, tỉnh Long An
36	Dương Đức Thịnh	25/11/2007	Tp Hồ Chí Minh	Kinh	Nam		Ấp 6, xã Phước Tuy, huyện Cần Đức, tỉnh Long An
37	Huỳnh Ngọc Thoại	28/04/2007	Tp Hồ Chí Minh	Kinh	Nam		Ấp Lãng , xã Tân Chánh. huyện Cần Đức, tỉnh Long An
38	Ngô Anh Thư	07/09/2007	Tây Ninh	Kinh	Nữ		Ấp 6, xã Phước Tuy, huyện Cần Đức, tỉnh Long An
39	Phan Văn Toàn	28/11/2007	Long An	Kinh	Nam		Khu 1B, thị trấn Cần Đức, huyện Cần Đức, tỉnh Long An
40	Dương Thị Thu Trang	23/05/2007	Tp Hồ Chí Minh	Kinh	Nữ		227 ấp Đông Nhì, xã Tân Chánh, huyện Cần Đức tỉnh Long An
41	Bùi Thị Kim Tuyến	31/01/2007	Tp Hồ Chí Minh	Kinh	Nữ		Khu 1A, thị trấn Cần Đức, huyện Cần Đức, tỉnh Long An
42	Bùi Thị Thảo Vi	19/01/2007	Long An	Kinh	Nữ		Ấp Lãng, xã Tân Chánh, huyện Cần Đức, tỉnh Long An
43	Trương Huỳnh Quang Vinh	29/08/2007	Tp Hồ Chí Minh	Kinh	Nam		Ấp 3, Xã Tân Ân, huyện Cần Đức, Tỉnh Long An
44	Phan Hà Xuân Yến	12/11/2007	Long An	Kinh	Nữ		Ấp 6, xã Phước Tuy, huyện Cần Đức, tỉnh Long An

Số TT	Họ và tên cha, nghề nghiệp, điện thoại, email (hoặc người giám hộ)	Họ và tên mẹ, nghề nghiệp điện thoại, email (hoặc người giám hộ)	Những thay đổi cần chú ý trong năm học (gia đình, sức khỏe, nơi ở ...)
1	Nguyễn Văn Anh Trí - Thợ Hồ	Phạm Thị Huyền - Nhân viên trường học	
2	Nguyễn Chánh Ái - Làm ruộng	Phan Thị Kim Ánh - Làm ruộng	
3	Dương Anh Tuấn - Buôn Bán	Đặng Thị Thanh Xuân - Buôn Bán	
4	Trần Văn Tui - Làm ruộng	Nguyễn Thị Mỹ Nương - Công nhân	
5	Lê Văn Huy - Làm ruộng	Châu Thị Ánh Ngọc - Giáo viên	
6	Nguyễn Thành Sơn - Nuôi Tôm	Trần Thị Kim Chi - Công Nhân	
7	Phạm Minh Tấn - Làm thuê	Võ Thị Ngọc Bé - Thợ may	
8	Nguyễn Văn Tâm - Làm thuê	Trần Thị Kim Cương - Nội Trợ	
9	Vương Chấn Mạnh - Công Nhân	Bùi Ngọc Thùy Trang - Công Nhân	
10	Cao Hoài Thương - buôn bán	Nguyễn Thị Thanh Tâm - Thợ làm tóc	
11	Nguyễn Trường Giang - Công nhân	Huỳnh Thị Thu Thảo - Công Nhân	
12	Lê Văn Tiến - Tài xế	Nguyễn Hồng Phương - Nội trợ	
13	Nguyễn Văn Vị - Buôn bán	Đào Thị Ngà - Buôn Bán	
14	Nguyễn Ngọc Bảo - Buôn bán	Võ Thị Hạnh - Buôn bán	
15	Nguyễn Hoàng Giang - Tự do	Lê Đặng Thị Mỹ Phương - Nội Trợ	
16	Đỗ Thành Nhân - Thuyền trưởng	Trương Thị Trang - Nội trợ	
17	Phạm Hữu Tân - Làm thuê	Phan Thị Kim Hương - Làm thuê	
18	Nguyễn Văn Phước - Công nhân	Nguyễn Thị Tuyết Ngân - Công nhân	
19	Dương Hàn Thủy - Công nhân	Võ Ngọc Thường - Công nhân	
20	Nguyễn Ngọc Bình - Công nhân	Lê Ngọc Nữ - Công nhân	
21	Lê Văn Trung - Làm thuê	Nguyễn Thị Hằng - Nội trợ	
22	Huỳnh Văn Tấn - Công nhân	Huỳnh Thị Thanh Tuyền - Công nhân	
23	Trần Quang Thám - Lái xe	Nguyễn Thị Đào - Nội trợ	
24	Nguyễn Văn Tò - Làm thuê	Lê Thị Thôn - Nội trợ	
25	Nguyễn Thái Quý - Công Nhân	Trương Thị Trúc Khanh - Công Nhân	
26	Dương Thanh Tâm - Công nhân	Lê Thị Thanh Hương - Công nhân	
27	Đỗ Nhựt Cường - Thợ Hồ	Nguyễn Thị Tròn - Thợ May	
28	Nguyễn Văn Tý - Buôn bán	Phạm Thị Thanh Xuân - Buôn bán	
29	Võ Công Bằng - Công nhân	Ngô Thị Hồng Hạnh - Công nhân	
30	Võ Hùng Cường - Tự do	Dương Thị Thanh Nhanh - Công Nhân	
31	Trần Minh Phúc - Làm thuê	Phan Ngọc Hạnh - Nội trợ	
32	Nguyễn Mạnh Tuấn - Buôn bán	Nguyễn Thị Loan Nhỏ - Buôn bán	
33	Lâm Hù Chí - Làm ruộng	Phan Thị Kim Loan - Thợ May	
34	Nguyễn Văn Thanh - Làm thuê	Phùng Thị Tuyết Mai - Công nhân	
35	Nguyễn Văn Hoà - Buôn bán	Nguyễn Thị Kim Diệu - Buôn Bán	
36	Dương Đức Thọ - Cơ khí	Phan Thị Ngọc Hiền - Giáo viên	
37	Huỳnh Ngọc Bi - Làm thuê	Nguyễn Thị Hồng Sương - Công nhân	
38	Ngô Hữu Thành - Tự do	Nguyễn Thị Thu - Nội trợ	
39	Phan Văn Thuận - Công nhân	Đoàn Thị Thủy - Công nhân	
40	Dương Thanh Tuấn - Nuôi tôm	Bùi Thị Thanh Thơ - Công nhân	
41	Bùi Trọng Hiền - công nhân	Trần Thị Thanh Tuyền - công nhân	
42	Bùi Văn Đặng - Làm thuê	Nguyễn Thị Phụng - Nội trợ	
43	Trương Quang Liêm - Tự do	Huỳnh Thị Kim Thi - Công Nhân	
44	Phan Thanh Điền - Tài xế	Hà Thị Hạnh - Công Nhân	

Tỉ lệ:

có phép: 0%

không phép: 0%

Giáo viên chủ nhiệm

(Ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Bùi Yến Khanh

Hiệu trưởng

(Ký tên, đóng dấu)

Nguyễn Minh Triều

S TT	Họ và tên	Ngày	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	TS buổi nghỉ		
		Thứ	T3	T4	T5	T6	T7	CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN	T2	T3	T4	T5	TS	P	K
1	Nguyễn Phạm Đình An																																	0	0	0
2	Nguyễn Thị Kim Anh																																	0	0	0
3	Dương Tuấn Anh																																	0	0	0
4	Trần Huỳnh Văn Anh																																	0	0	0
5	Lê Quốc Cường																																	0	0	0
6	Nguyễn Thành Đại																																	0	0	0
7	Phạm Minh Đạt																																	0	0	0
8	Nguyễn Trường Giang																																	0	0	0
9	Vương Ngọc Gia Hân																																	0	0	0
10	Cao Nguyễn Gia Hân																																	0	0	0
11	Nguyễn Huỳnh Ngọc Hân																																	0	0	0
12	Lê Trọng Hiếu																																	0	0	0
13	Nguyễn Văn Hiếu																																	0	0	0
14	Nguyễn Ngọc Minh Huy																																	0	0	0
15	Nguyễn Kelly																																	0	0	0
16	Đỗ Hữu Khang																																	0	0	0
17	Phạm Hữu Khánh																																	0	0	0
18	Nguyễn Trung Kiên																																	0	0	0
19	Dương Minh Kiệt																																	0	0	0
20	Nguyễn Ngọc Lâm																																	0	0	0
21	Lê Ngọc Liễu																																	0	0	0
22	Huỳnh Thị Yến Linh																																	0	0	0
23	Trần Quang Lộc																																	0	0	0
24	Nguyễn Thị Phụng Nghi																																	0	0	0
25	Nguyễn Bảo Ngọc																																	0	0	0
26	Dương Trọng Nhân																																	0	0	0
27	Đỗ Nhật Ninh																																	0	0	0
28	Nguyễn Thiên Phúc																																	0	0	0
29	Võ Ngô Mỹ Quyên																																	0	0	0
30	Võ Dương Tổ Quyên																																	0	0	0
31	Trần Phúc Phương Quỳnh																																	0	0	0
32	Nguyễn Thanh Thanh																																	0	0	0
33	Phan Thanh Thảo																																	0	0	0
34	Nguyễn Thị Thanh Thảo																																	0	0	0
35	Nguyễn Chí Thiện																																	0	0	0
36	Dương Đức Thịnh																																	0	0	0
37	Huỳnh Ngọc Thoại																																	0	0	0
38	Ngô Anh Thư																																	0	0	0
39	Phan Văn Toàn																																	0	0	0
40	Dương Thị Thu Trang																																	0	0	0
41	Bùi Thị Kim Tuyền																																	0	0	0
42	Bùi Thị Thảo Vi																																	0	0	0
43	Trương Huỳnh Quang Vinh																																	0	0	0
44	Phan Hà Xuân Yến																																	0	0	0
	Tổng số		0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0

Tỉ lệ:

có phép: 0%
không phép: 0%

Giáo viên chủ nhiệm

(Ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Bùi Yến Khanh

Hiệu trưởng

(Ký tên, đóng dấu)

Nguyễn Minh Triều

S TT	Họ và tên	Ngày	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	TS buổi nghỉ		
		Thứ	T6	T7	CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7		TS	P	K
1	Nguyễn Phạm Đình An																																	0	0	0
2	Nguyễn Thị Kim Anh																																	0	0	0
3	Dương Tuấn Anh																																	0	0	0
4	Trần Huỳnh Văn Anh																																	0	0	0
5	Lê Quốc Cường																																	0	0	0
6	Nguyễn Thành Đại																																	0	0	0
7	Phạm Minh Đạt																																	0	0	0
8	Nguyễn Trường Giang																																	0	0	0
9	Vương Ngọc Gia Hân																																	0	0	0
10	Cao Nguyễn Gia Hân																																	0	0	0
11	Nguyễn Huỳnh Ngọc Hân																																	0	0	0
12	Lê Trọng Hiếu																																	0	0	0
13	Nguyễn Văn Hiếu																																	0	0	0
14	Nguyễn Ngọc Minh Huy																																	0	0	0
15	Nguyễn Kelly																																	0	0	0
16	Đỗ Hữu Khang																																	0	0	0
17	Phạm Hữu Khánh																																	0	0	0
18	Nguyễn Trung Kiên																																	0	0	0
19	Dương Minh Kiệt																																	0	0	0
20	Nguyễn Ngọc Lâm																																	0	0	0
21	Lê Ngọc Liễu																																	0	0	0
22	Huỳnh Thị Yến Linh																																	0	0	0
23	Trần Quang Lộc																																	0	0	0
24	Nguyễn Thị Phụng Nghi																																	0	0	0
25	Nguyễn Bảo Ngọc																																	0	0	0
26	Dương Trọng Nhân																																	0	0	0
27	Đỗ Nhật Ninh																																	0	0	0
28	Nguyễn Thiên Phúc																																	0	0	0
29	Võ Ngô Mỹ Quyên																																	0	0	0
30	Võ Dương Tổ Quyên																																	0	0	0
31	Trần Phúc Phương Quỳnh															P																	1	1	0	
32	Nguyễn Thanh Thanh																																	0	0	0
33	Phan Thanh Thảo																																			

Tỉ lệ:	Giáo viên chủ nhiệm	Hiệu trưởng
có phép: 100.00%	(Ký và ghi rõ họ tên)	(Ký tên, đóng dấu)
không phép: 0.00%		
	Nguyễn Bùi Yến Khanh	Nguyễn Minh Triều

S TT	Họ và tên	Ngày	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	TS buổi nghỉ		
		Thứ	CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN	T2	T3	TS	P	K
1	Nguyễn Phạm Đình An																																	0	0	0
2	Nguyễn Thị Kim Anh																																	0	0	0
3	Dương Tuấn Anh																																	0	0	0
4	Trần Huỳnh Văn Anh																																	0	0	0
5	Lê Quốc Cường																									P							1	1	0	
6	Nguyễn Thành Đại																																	0	0	0
7	Phạm Minh Đạt																				P									P			2	2	0	
8	Nguyễn Trường Giang																																	0	0	0
9	Vương Ngọc Gia Hân																																	0	0	0
10	Cao Nguyễn Gia Hân																																	0	0	0
11	Nguyễn Huỳnh Ngọc Hân																																	0	0	0
12	Lê Trọng Hiếu																																	0	0	0
13	Nguyễn Văn Hiếu																																	0	0	0
14	Nguyễn Ngọc Minh Huy																																	0	0	0
15	Nguyễn Kelly																			P													1	1	0	
16	Đỗ Hữu Khang																																	0	0	0
17	Phạm Hữu Khánh																																	0	0	0
18	Nguyễn Trung Kiên								P																									1	1	0
19	Dương Minh Kiệt																																	0	0	0
20	Nguyễn Ngọc Lâm																																	0	0	0
21	Lê Ngọc Liễu																									P								1	1	0
22	Huỳnh Thị Yến Linh																																	0	0	0
23	Trần Quang Lộc																																	0	0	0
24	Nguyễn Thị Phụng Nghi								P																									1	1	0
25	Nguyễn Bảo Ngọc																									P								1	1	0
26	Dương Trọng Nhân																																	0	0	0
27	Đỗ Nhật Ninh																								P									1	1	0
28	Nguyễn Thiên Phúc																																	0	0	0
29	Võ Ngô Mỹ Quyên																																	0	0	0
30	Võ Dương Tổ Quyên																																	0	0	0
31	Trần Phúc Phương Quỳnh																																	0	0	0
32	Nguyễn Thanh Thanh																																	0	0	0
33	Phan Thanh Thảo																																	0	0	0
34	Nguyễn Thị Thanh Thảo																																	0	0	0
35	Nguyễn Chí Thiện																																	0	0	0
36	Dương Đức Thịnh																																	0	0	0
37	Huỳnh Ngọc Thoại																																	0	0	0
38	Ngô Anh Thư										P																P							2	2	0
39	Phan Văn Toàn																																	0	0	0
40	Dương Thị Thu Trang																								P									1	1	0
41	Bùi Thị Kim Tuyền																																	0	0	0
42	Bùi Thị Thảo Vi																																	0	0	0
43	Trương Huỳnh Quang Vinh										P	P																						2	2	0
44	Phan Hà Xuân Yến																							P										1	1	0
	Tổng số		0	0	0	0	0	0	2	0	3	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	0	1	1	2	0	4	0	0	0	1	0	0	15	15	0

S TT	Họ và tên	Ngày	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	TS buổi nghỉ		
		Thứ	T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN	T2	T3	T4	TS	P	K
1	Nguyễn Phạm Đình An																																	0	0	0
2	Nguyễn Thị Kim Anh																																	0	0	0
3	Dương Tuấn Anh																																	0	0	0
4	Trần Huỳnh Văn Anh																																	0	0	0
5	Lê Quốc Cường																																	0	0	0
6	Nguyễn Thành Đại																																	0	0	0
7	Phạm Minh Đạt																																	0	0	0
8	Nguyễn Trường Giang																																	0	0	0
9	Vương Ngọc Gia Hân																																	0	0	0
10	Cao Nguyễn Gia Hân																																	0	0	0
11	Nguyễn Huỳnh Ngọc Hân																																	0	0	0
12	Lê Trọng Hiếu																																	0	0	0
13	Nguyễn Văn Hiếu																																	0	0	0
14	Nguyễn Ngọc Minh Huy																																	0	0	0
15	Nguyễn Kelly																																	0	0	0
16	Đỗ Hữu Khang																																	0	0	0
17	Phạm Hữu Khánh																																	0	0	0
18	Nguyễn Trung Kiên																																	0	0	0
19	Dương Minh Kiệt																																	0	0	0
20	Nguyễn Ngọc Lâm																																	0	0	0
21	Lê Ngọc Liễu																																	0	0	0
22	Huỳnh Thị Yến Linh																																	0	0	0
23	Trần Quang Lộc																																	0	0	0
24	Nguyễn Thị Phụng Nghi																																	0	0	0
25	Nguyễn Bảo Ngọc																			P							P						2	2	0	
26	Dương Trọng Nhân																																	0	0	0
27	Đỗ Nhật Ninh																																	0	0	0
28	Nguyễn Thiên Phúc													P																			1	1	0	
29	Võ Ngô Mỹ Quyên																																	0	0	0
30	Võ Dương Tổ Quyên																																	0	0	0
31	Trần Phúc Phương Quỳnh																																	0	0	0
32	Nguyễn Thanh Thanh																			P													1	1	0	
33	Phan Thanh Thảo																																	0	0	0
34	Nguyễn Thị Thanh Thảo																																	0	0	0
35	Nguyễn Chí Thiện																																	0	0	0
36	Dương Đức Thịnh																																	0	0	0
37	Huỳnh Ngọc Thoại																																	0	0	0
38	Ngô Anh Thư																																	0	0	0
39	Phan Văn Toàn																								P									1	1	0
40	Dương Thị Thu Trang																																	0	0	0
41	Bùi Thị Kim Tuyền																																	0	0	0
42	Bùi Thị Thảo Vi																																	0	0	0
43	Trương Huỳnh Quang Vinh																																	0	0	0
44	Phan Hà Xuân Yến															P								P			P							3	3	0
	Tổng số		0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	0	1	0	0	0	0	0	2	0	1	1	0	2	0	0	0	0	0	0	8	8	0

Tỉ lệ:	Giáo viên chủ nhiệm	Hiệu trưởng
có phép: 100.00%	(Ký và ghi rõ họ tên)	(Ký tên, đóng dấu)
không phép: 0.00%		
	Nguyễn Bùi Yến Khanh	Nguyễn Minh Triều

Tỉ lệ:	Giáo viên chủ nhiệm (Ký và ghi rõ họ tên)	Hiệu trưởng (Ký tên, đóng dấu)
có phép: 100.00%		
không phép: 0.00%		
	Nguyễn Bùi Yến Khanh	Nguyễn Minh Triều

S TT	Họ và tên	Ngày	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	TS buổi nghỉ		
		Thứ	T6	T7	CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN	TS	P	K
1	Nguyễn Phạm Đình An																																	0	0	0
2	Nguyễn Thị Kim Anh																																	0	0	0
3	Dương Tuấn Anh																																	0	0	0
4	Trần Huỳnh Văn Anh																																	0	0	0
5	Lê Quốc Cường																																	0	0	0
6	Nguyễn Thành Đại																																	0	0	0
7	Phạm Minh Đạt							P																									1	1	0	
8	Nguyễn Trường Giang																																	0	0	0
9	Vương Ngọc Gia Hân																																	0	0	0
10	Cao Nguyễn Gia Hân																																	0	0	0
11	Nguyễn Huỳnh Ngọc Hân																																	0	0	0
12	Lê Trọng Hiếu																								P								1	1	0	
13	Nguyễn Văn Hiếu																																	0	0	0
14	Nguyễn Ngọc Minh Huy			P																													1	1	0	
15	Nguyễn Kelly											P																					1	1	0	
16	Đỗ Hữu Khang																																	0	0	0
17	Phạm Hữu Khánh																																	0	0	0
18	Nguyễn Trung Kiên																																	0	0	0
19	Dương Minh Kiệt																																	0	0	0
20	Nguyễn Ngọc Lâm				P															P													2	2	0	
21	Lê Ngọc Liễu											P																					1	1	0	
22	Huỳnh Thị Yến Linh																																	0	0	0
23	Trần Quang Lộc																																	0	0	0
24	Nguyễn Thị Phụng Nghi																																	0	0	0
25	Nguyễn Bảo Ngọc				P																												1	1	0	
26	Dương Trọng Nhân																																	0	0	0
27	Đỗ Nhật Ninh																																	0	0	0
28	Nguyễn Thiên Phúc																																	0	0	0
29	Võ Ngô Mỹ Quyên													P																			1	1	0	
30	Võ Dương Tổ Quyên				P																												1	1	0	
31	Trần Phúc Phương Quỳnh								P																								1	1	0	
32	Nguyễn Thanh Thanh																																	0	0	0
33	Phan Thanh Thảo				P																												1	1	0	
34	Nguyễn Thị Thanh Thảo																																	0	0	0
35	Nguyễn Chí Thiện																																	0	0	0
36	Dương Đức Thịnh																																	0	0	0
37	Huỳnh Ngọc Thoại																																	0	0	0
38	Ngô Anh Thư													P																			1	1	0	
39	Phan Văn Toàn																																	0	0	0
40	Dương Thị Thu Trang																																	0	0	0
41	Bùi Thị Kim Tuyền												P																				1	1	0	
42	Bùi Thị Thảo Vi																																	0	0	0
43	Trương Huỳnh Quang Vinh																																	0	0	0
44	Phan Hà Xuân Yến											P							P														2	2	0	
	Tổng số		0	0	2	3	0	1	1	0	0	1	3	1	1	0	0	0	1	0	1	0	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0	0	16	16	0

Tỉ lệ:

có phép: 100.00%không phép: 0.00%

Giáo viên chủ nhiệm

(Ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Bùi Yến Khanh

Hiệu trưởng

(Ký tên, đóng dấu)

Nguyễn Minh Triều

S TT	Họ và tên	Ngày	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	TS buổi nghỉ		
		Thứ	T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN	T2	T3		TS	P	K
1	Nguyễn Phạm Đình An								P																									1	1	0
2	Nguyễn Thị Kim Anh																																	0	0	0
3	Đương Tuấn Anh											P																						1	1	0
4	Trần Huỳnh Văn Anh																																	0	0	0
5	Lê Quốc Cường																																	0	0	0
6	Nguyễn Thành Đại																																	0	0	0
7	Phạm Minh Đạt																										P							1	1	0
8	Nguyễn Trường Giang																																	0	0	0
9	Vương Ngọc Gia Hân																																	0	0	0
10	Cao Nguyễn Gia Hân																																	0	0	0
11	Nguyễn Huỳnh Ngọc Hân																																	0	0	0
12	Lê Trọng Hiếu									P																								1	1	0
13	Nguyễn Văn Hiếu																																	0	0	0
14	Nguyễn Ngọc Minh Huy											P																						1	1	0
15	Nguyễn Kelly											P												P										2	2	0
16	Đỗ Hữu Khang																																	0	0	0
17	Phạm Hữu Khánh											P																						1	1	0
18	Nguyễn Trung Kiên				P																													1	1	0
19	Đương Minh Kiệt																																	0	0	0
20	Nguyễn Ngọc Lâm											P				P																		2	2	0
21	Lê Ngọc Liễu											P																						1	1	0
22	Huỳnh Thị Yến Linh																																	0	0	0
23	Trần Quang Lộc																																	0	0	0
24	Nguyễn Thị Phụng Nghi		P																															1	1	0
25	Nguyễn Bảo Ngọc																																	0	0	0
26	Đương Trọng Nhân																																	0	0	0
27	Đỗ Nhật Ninh																																	0	0	0
28	Nguyễn Thiên Phúc											P																						1	1	0
29	Võ Ngô Mỹ Quyên					P																												1	1	0
30	Võ Dương Tổ Quyên																																	0	0	0
31	Trần Phúc Phương Quỳnh																																	0	0	0
32	Nguyễn Thanh Thanh											P																						1	1	0
33	Phan Thanh Thảo																																	0	0	0
34	Nguyễn Thị Thanh Thảo																																	0	0	0
35	Nguyễn Chí Thiện																																	0	0	0
36	Đương Đức Thịnh																																	0	0	0
37	Huỳnh Ngọc Thoại																																	0	0	0
38	Ngô Anh Thư																																	0	0	0
39	Phan Văn Toàn												P																					1	1	0
40	Đương Thị Thu Trang																																	0	0	0
41	Bùi Thị Kim Tuyền		P																									P						2	2	0
42	Bùi Thị Thảo Vi																																	0	0	0
43	Trương Huỳnh Quang Vinh																																	0	0	0
44	Phan Hà Xuân Yến												P																					1	1	0
	Tổng số		2	0	1	1	0	0	2	0	1	9	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0	0	1	0	0	0	2	0	0	0	0		20	20	0

Tỉ lệ:	Giáo viên chủ nhiệm	Hiệu trưởng
có phép: 100.00%	(Ký và ghi rõ họ tên)	(Ký tên, đóng dấu)
không phép: 0.00%		
	Nguyễn Bùi Yến Khanh	Nguyễn Minh Triều

Tỉ lệ:

có phép: 0%

không phép: 0%

Giáo viên chủ nhiệm

(Ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Bùi Yến Khanh

Hiệu trưởng

(Ký tên, đóng dấu)

Nguyễn Minh Triều

PHẦN GHI ĐIỂM

HỌC KỲ I

HỌC KỲ I

Toán

(dùng cho môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số)

STT	Họ và tên	ĐĐGtx					ĐĐGgk	ĐĐGck	ĐTB mhk	Ghi Chú
1	Nguyễn Phạm Đình An	9,0	9,0	9,0	10,0		6,3	6,3	7,6	Học khá
2	Nguyễn Thị Kim Anh	9,0	9,0	10,0	9,0		6,3	8,3	8,3	Học giỏi, chăm ngoan
3	Dương Tuấn Anh	8,0	7,0	9,0	9,0		5,0	7,5	7,3	Học khá
4	Trần Huỳnh Văn Anh	8,0	10,0	9,0	10,0		6,0	7,8	8,0	Học giỏi, chăm ngoan
5	Lê Quốc Cường	9,0	10,0	8,0	10,0		8,5	6,5	8,2	Học giỏi, chăm ngoan
6	Nguyễn Thành Đại	9,0	10,0	8,0	10,0		7,0	7,3	8,1	Học giỏi, chăm ngoan
7	Phạm Minh Đạt	8,0	7,0	10,0	10,0		8,3	7,5	8,2	Học giỏi, chăm ngoan
8	Nguyễn Trường Giang	10,0	10,0	9,0	10,0		6,8	6,8	8,1	Học giỏi, chăm ngoan
9	Vương Ngọc Gia Hân	9,0	9,0	9,0	9,0		6,5	8,5	8,3	Học giỏi, chăm ngoan
10	Cao Nguyễn Gia Hân	9,0	8,0	8,0	10,0		5,8	8,3	7,9	Học khá
11	Nguyễn Huỳnh Ngọc Hân	9,0	8,0	9,0	10,0		6,5	8,5	8,3	Học giỏi, chăm ngoan
12	Lê Trọng Hiếu	10,0	10,0	10,0	10,0		9,3	8,0	9,2	Học giỏi, tích cực trong học tập
13	Nguyễn Văn Hiếu	10,0	10,0	10,0	10,0		9,5	9,8	9,8	Học giỏi, tích cực trong học tập
14	Nguyễn Ngọc Minh Huy	8,0	7,0	9,0	9,0		6,3	7,8	7,7	Học khá
15	Nguyễn Kelly	8,0	7,0	8,0	9,0		6,3	7,0	7,3	Học khá
16	Đỗ Hữu Khang	9,0	9,0	10,0	10,0		5,0	6,5	7,5	Học khá
17	Phạm Hữu Khánh	8,0	7,0	9,0	8,0		8,0	7,3	7,8	Học khá
18	Nguyễn Trung Kiên	9,0	10,0	10,0	10,0		7,5	8,0	8,7	Học giỏi, chăm ngoan
19	Dương Minh Kiệt	8,0	8,0	9,0	9,0		5,8	7,5	7,6	Học khá
20	Nguyễn Ngọc Lâm	8,0	7,0	8,0	8,0		7,0	6,8	7,3	Học khá
21	Lê Ngọc Liễu	10,0	9,0	9,0	10,0		7,8	8,8	8,9	Học giỏi, chăm ngoan
22	Huỳnh Thị Yến Linh	9,0	9,0	9,0	10,0		7,3	7,8	8,3	Học giỏi, chăm ngoan
23	Trần Quang Lộc	10,0	10,0	10,0	10,0		9,5	9,5	9,7	Học giỏi, tích cực trong học tập
24	Nguyễn Thị Phụng Nghi	9,0	9,0	10,0	10,0		8,5	7,0	8,4	Học giỏi, chăm ngoan
25	Nguyễn Bảo Ngọc	9,0	9,0	9,0	10,0		5,0	6,3	7,3	Học khá
26	Dương Trọng Nhân	8,0	9,0	9,0	10,0		8,0	5,5	7,6	Học khá
27	Đỗ Nhựt Ninh	9,0	8,0	9,0	10,0		5,3	6,3	7,3	Học khá
28	Nguyễn Thiên Phúc	9,0	9,0	9,0	10,0		6,3	5,5	7,3	Học khá
29	Võ Ngô Mỹ Quyên	9,0	9,0	10,0	9,0		8,5	8,8	8,9	Học giỏi, chăm ngoan
30	Võ Dương Tổ Quyên	9,0	10,0	10,0	10,0		7,3	6,5	8,1	Học giỏi, chăm ngoan
31	Trần Phúc Phương Quỳnh	9,0	9,0	10,0	10,0		8,3	9,0	9,1	Học giỏi, chăm ngoan
32	Nguyễn Thanh Thanh	9,0	9,0	10,0	10,0		7,3	9,0	8,8	Học giỏi, chăm ngoan
33	Phan Thanh Thảo	8,0	9,0	10,0	10,0		7,8	6,5	8,0	Học giỏi, chăm ngoan
34	Nguyễn Thị Thanh Thảo	9,0	10,0	10,0	10,0		7,3	8,0	8,6	Học giỏi, chăm ngoan
35	Nguyễn Chí Thiện	10,0	10,0	10,0	10,0		9,5	10,0	9,9	Học giỏi, tích cực trong học tập
36	Dương Đức Thịnh	10,0	9,0	9,0	10,0		7,8	7,0	8,3	Học giỏi, chăm ngoan
37	Huỳnh Ngọc Thoại	10,0	10,0	10,0	10,0		7,0	8,8	8,9	Học giỏi, chăm ngoan
38	Ngô Anh Thư	10,0	9,0	10,0	10,0		7,0	8,5	8,7	Học giỏi, chăm ngoan
39	Phan Văn Toàn	8,0	7,0	9,0	10,0		7,8	6,3	7,6	Học khá
40	Dương Thị Thu Trang	9,0	10,0	9,0	10,0		7,0	7,8	8,4	Học giỏi, chăm ngoan
41	Bùi Thị Kim Tuyền	9,0	9,0	9,0	9,0		8,5	8,0	8,6	Học giỏi, chăm ngoan
42	Bùi Thị Thảo Vi	9,0	10,0	9,0	10,0		6,8	7,8	8,3	Học giỏi, chăm ngoan
43	Trương Huỳnh Quang Vinh	10,0	10,0	10,0	10,0		8,5	9,0	9,3	Học giỏi, tích cực trong học tập
44	Phan Hà Xuân Yến	8,0	8,0	9,0	9,0		6,3	6,3	7,3	Học khá

Giáo viên môn học
(Ký và ghi rõ họ tên)

Huỳnh Thanh Nhân

Vật lý HỌC KỲ I (dùng cho môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số)											
STT	Họ và tên	ĐĐGtx					ĐĐGgk	ĐĐGck	ĐTB mhk	Ghi Chú	
1	Nguyễn Phạm Đình An	8,0	9,0	10,0			9,0	8,5	8,8	Tích cực trong giờ học!	
2	Nguyễn Thị Kim Anh	8,0	10,0	10,0			9,0	9,5	9,3	Tích cực trong giờ học!	
3	Dương Tuấn Anh	8,0	9,0	9,0			8,8	8,5	8,6	Tích cực trong giờ học!	
4	Trần Huỳnh Văn Anh	8,0	8,0	10,0			9,0	8,8	8,8	Tích cực trong giờ học!	
5	Lê Quốc Cường	8,0	10,0	10,0			9,0	9,0	9,1	Chăm, ngoan, tích cực trong giờ học!	
6	Nguyễn Thành Đại	9,0	9,0	10,0			9,0	8,5	8,9	Chăm, ngoan, tích cực trong giờ học!	
7	Phạm Minh Đạt	8,0	9,0	9,0			9,0	8,5	8,7	Tích cực trong giờ học!	
8	Nguyễn Trường Giang	8,0	10,0	9,0			9,0	9,3	9,1	Chăm, ngoan, tích cực trong giờ học!	
9	Vương Ngọc Gia Hân	8,0	9,0	10,0			9,0	8,0	8,6	Tích cực trong giờ học!	
10	Cao Nguyễn Gia Hân	8,0	10,0	10,0			9,0	8,5	8,9	Tích cực trong giờ học!	
11	Nguyễn Huỳnh Ngọc Hân	9,0	9,0	10,0			9,3	9,3	9,3	Chăm, ngoan, tích cực trong giờ học!	
12	Lê Trọng Hiếu	9,0	10,0	9,0			9,5	8,5	9,1	Chăm, ngoan, tích cực trong giờ học!	
13	Nguyễn Văn Hiếu	8,0	8,0	9,0			9,0	9,3	8,9	Tích cực trong giờ học!	
14	Nguyễn Ngọc Minh Huy	8,0	8,0	9,0			9,0	9,5	8,9	Tích cực trong giờ học!	
15	Nguyễn Kelly	8,0	9,0	9,0			9,0	9,3	9,0	Tích cực trong giờ học!	
16	Đỗ Hữu Khang	8,0	9,0	9,0			9,3	9,5	9,1	Chăm, ngoan, tích cực trong giờ học!	
17	Phạm Hữu Khánh	8,0	9,0	9,0			8,8	8,0	8,5	Tích cực trong giờ học!	
18	Nguyễn Trung Kiên	8,0	9,0	9,0			9,0	9,0	8,9	Tích cực trong giờ học!	
19	Dương Minh Kiệt	8,0	9,0	9,0			9,0	8,0	8,5	Tích cực trong giờ học!	
20	Nguyễn Ngọc Lâm	9,0	8,0	9,0			8,8	8,0	8,5	Tích cực trong giờ học!	
21	Lê Ngọc Liễu	8,0	8,0	9,0			9,0	9,8	9,1	Chăm, ngoan, tích cực trong giờ học!	
22	Huỳnh Thị Yến Linh	8,0	10,0	9,0			9,3	8,5	8,9	Tích cực trong giờ học!	
23	Trần Quang Lộc	8,0	10,0	10,0			9,8	9,8	9,6	Chăm, ngoan, tích cực trong giờ học!	
24	Nguyễn Thị Phụng Nghi	8,0	10,0	9,0			9,0	9,3	9,1	Chăm, ngoan, tích cực trong giờ học!	
25	Nguyễn Bảo Ngọc	9,0	9,0	9,0			9,0	8,5	8,8	Tích cực trong giờ học!	
26	Dương Trọng Nhân	8,0	9,0	9,0			9,0	8,0	8,5	Tích cực trong giờ học!	
27	Đỗ Nhựt Ninh	8,0	9,0	10,0			9,0	8,5	8,8	Tích cực trong giờ học!	
28	Nguyễn Thiên Phúc	9,0	9,0	9,0			9,0	9,5	9,2	Chăm, ngoan, tích cực trong giờ học!	
29	Vô Ngô Mỹ Quyên	8,0	10,0	9,0			9,0	8,5	8,8	Tích cực trong giờ học!	
30	Vô Dương Tổ Quyên	8,0	9,0	8,0			9,0	9,0	8,8	Tích cực trong giờ học!	
31	Trần Phúc Phương Quỳnh	8,0	10,0	8,0			9,0	9,0	8,9	Tích cực trong giờ học!	
32	Nguyễn Thanh Thanh	9,0	10,0	9,0			9,0	9,8	9,4	Chăm, ngoan, tích cực trong giờ học!	
33	Phan Thanh Thảo	8,0	9,0	9,0			9,0	9,5	9,1	Chăm, ngoan, tích cực trong giờ học!	
34	Nguyễn Thị Thanh Thảo	8,0	9,0	9,0			9,0	9,0	8,9	Tích cực trong giờ học!	
35	Nguyễn Chí Thiện	8,0	10,0	9,0			9,8	10,0	9,6	Chăm, ngoan, tích cực trong giờ học!	
36	Dương Đức Thịnh	9,0	10,0	9,0			9,0	9,0	9,1	Chăm, ngoan, tích cực trong giờ học!	
37	Huỳnh Ngọc Thoại	8,0	9,0	8,0			9,0	8,3	8,5	Tích cực trong giờ học!	
38	Ngô Anh Thư	9,0	9,0	8,0			9,3	9,5	9,1	Chăm, ngoan, tích cực trong giờ học!	
39	Phan Văn Toàn	8,0	8,0	9,0			9,0	9,0	8,8	Tích cực trong giờ học!	
40	Dương Thị Thu Trang	8,0	9,0	9,0			9,0	10,0	9,3	Chăm, ngoan, tích cực trong giờ học!	
41	Bùi Thị Kim Tuyền	8,0	8,0	9,0			9,0	8,5	8,6	Tích cực trong giờ học!	
42	Bùi Thị Thảo Vi	8,0	9,0	9,0			9,0	9,5	9,1	Chăm, ngoan, tích cực trong giờ học!	
43	Trương Huỳnh Quang Vinh	8,0	9,0	9,0			9,3	8,0	8,6	Tích cực trong giờ học!	
44	Phan Hà Xuân Yến	8,0	8,0	8,0			9,0	8,8	8,6	Tích cực trong giờ học!	

Giáo viên môn học

(Ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Bùi Yến Khanh

Hóa học HỌC KỲ I (dùng cho môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số)											
STT	Họ và tên	ĐĐGtx					ĐĐGgk	ĐĐGck	ĐTB mhk	Ghi Chú	
1	Nguyễn Phạm Đình An	9,0	9,0	9,0			7,5	9,5	8,8	học tốt, cần phát huy	
2	Nguyễn Thị Kim Anh	8,0	8,5	8,5			7,8	8,5	8,3	học tốt, cần phát huy	
3	Dương Tuấn Anh	7,0	8,5	8,5			8,0	9,5	8,6	học tốt, cần phát huy	
4	Trần Huỳnh Văn Anh	9,0	8,0	8,0			6,3	8,0	7,7	học khá, cố gắng thêm	
5	Lê Quốc Cường	6,0	8,0	8,0			6,0	9,0	7,6	học khá, cố gắng thêm	
6	Nguyễn Thành Đại	6,5	8,5	8,5			7,8	9,5	8,5	học tốt, cần phát huy	
7	Phạm Minh Đạt	9,0	9,0	9,0			9,8	8,3	8,9	học tốt, cần phát huy	
8	Nguyễn Trường Giang	7,5	8,0	8,5			7,3	8,5	8,0	học tốt, cần phát huy	
9	Vương Ngọc Gia Hân	8,0	8,0	8,0			7,3	8,0	7,8	học khá, cố gắng thêm	
10	Cao Nguyễn Gia Hân	8,0	9,0	9,0			7,5	10,0	8,9	học tốt, cần phát huy	
11	Nguyễn Huỳnh Ngọc Hân	9,5	9,5	9,5			8,5	10,0	9,4	học giỏi, ý thức học tập tốt	
12	Lê Trọng Hiếu	5,5	7,5	7,5			6,3	8,8	7,4	học khá, cố gắng thêm	
13	Nguyễn Văn Hiếu	9,5	9,5	9,5			10,0	9,8	9,7	học giỏi, ý thức học tập tốt	
14	Nguyễn Ngọc Minh Huy	8,5	9,0	9,0			8,8	9,8	9,2	học giỏi, ý thức học tập tốt	
15	Nguyễn Kelly	9,0	8,0	8,5			9,0	8,5	8,6	học tốt, cần phát huy	
16	Đỗ Hữu Khang	6,5	8,0	8,0			7,0	8,3	7,7	học khá, cố gắng thêm	
17	Phạm Hữu Khánh	9,0	8,5	8,5			9,3	8,0	8,6	học tốt, cần phát huy	
18	Nguyễn Trung Kiên	9,0	9,5	9,5			9,8	9,8	9,6	học giỏi, ý thức học tập tốt	
19	Dương Minh Kiệt	6,5	8,0	8,0			8,3	8,5	8,1	học tốt, cần phát huy	
20	Nguyễn Ngọc Lâm	9,0	9,0	9,0			9,3	9,3	9,2	học giỏi, ý thức học tập tốt	
21	Lê Ngọc Liễu	8,0	8,0	8,0			6,5	8,5	7,8	học khá, cố gắng thêm	
22	Huỳnh Thị Yến Linh	10,0	10,0	10,0			10,0	10,0	10,0	học giỏi, ý thức học tập tốt	
23	Trần Quang Lộc	10,0	9,5	9,5			10,0	9,8	9,8	học giỏi, ý thức học tập tốt	
24	Nguyễn Thị Phụng Nghi	9,0	9,0	9,0			9,3	9,3	9,2	học giỏi, ý thức học tập tốt	
25	Nguyễn Bảo Ngọc	5,0	8,0	8,0			8,3	8,3	7,8	học khá, cố gắng thêm	
26	Dương Trọng Nhân	6,0	8,5	8,5			7,0	9,8	8,3	học tốt, cần phát huy	
27	Đỗ Nhựt Ninh	8,5	9,0	9,0			7,8	9,5	8,8	học tốt, cần phát huy	
28	Nguyễn Thiên Phúc	7,5	7,5	7,5			5,8	8,0	7,3	học khá, cố gắng thêm	
29	Võ Ngô Mỹ Quyên	9,5	9,5	9,5			9,3	9,5	9,5	học giỏi, ý thức học tập tốt	
30	Võ Dương Tổ Quyên	9,5	9,0	9,0			8,8	8,5	8,8	học tốt, cần phát huy	
31	Trần Phúc Phương Quỳnh	9,0	9,5	9,5			9,8	10,0	9,7	học giỏi, ý thức học tập tốt	
32	Nguyễn Thanh Thanh	9,5	9,5	9,0			8,0	9,8	9,2	học giỏi, ý thức học tập tốt	
33	Phan Thanh Thảo	6,5	8,5	8,5			7,5	9,8	8,5	học tốt, cần phát huy	
34	Nguyễn Thị Thanh Thảo	5,5	7,5	7,5			6,5	8,8	7,5	học khá, cố gắng thêm	
35	Nguyễn Chí Thiện	10,0	10,0	10,0			10,0	10,0	10,0	học giỏi, ý thức học tập tốt	
36	Dương Đức Thịnh	8,5	9,5	9,5			10,0	10,0	9,7	học giỏi, ý thức học tập tốt	
37	Huỳnh Ngọc Thoại	9,0	8,5	8,5			7,3	9,3	8,6	học tốt, cần phát huy	
38	Ngô Anh Thư	9,5	9,5	9,5			9,8	9,5	9,6	học giỏi, ý thức học tập tốt	
39	Phan Văn Toàn	7,5	8,5	8,5			7,0	9,5	8,4	học tốt, cần phát huy	
40	Dương Thị Thu Trang	7,0	9,0	9,0			8,8	9,5	8,9	học tốt, cần phát huy	
41	Bùi Thị Kim Tuyền	10,0	9,5	9,5			9,5	9,8	9,7	học giỏi, ý thức học tập tốt	
42	Bùi Thị Thảo Vi	7,0	9,0	9,0			8,0	10,0	8,9	học tốt, cần phát huy	
43	Trương Huỳnh Quang Vinh	9,5	9,5	9,5			10,0	9,3	9,6	học giỏi, ý thức học tập tốt	
44	Phan Hà Xuân Yến	8,0	8,0	8,0			7,3	8,0	7,8	học khá, cố gắng thêm	

Giáo viên môn học

(Ký và ghi rõ họ tên)

Trần Lê Tấn Đức

Sinh học HỌC KỲ I (dùng cho môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số)											
STT	Họ và tên	ĐĐGtx					ĐĐGgk	ĐĐGck	ĐTB mhk	Ghi Chú	
1	Nguyễn Phạm Đình An	8,0	8,0	8,0			8,3	7,5	7,9	Học khá, chăm ngoan, có cố gắng.	
2	Nguyễn Thị Kim Anh	8,0	9,0	9,0			7,3	7,8	8,0	Học tốt, chăm ngoan.	
3	Dương Tuấn Anh	8,0	10,0	8,0			8,0	8,0	8,3	Học tốt, chăm ngoan.	
4	Trần Huỳnh Văn Anh	9,0	9,0	9,0			8,5	8,3	8,6	Học tốt, chăm ngoan.	
5	Lê Quốc Cường	9,0	8,0	9,0			8,0	8,3	8,4	Học tốt, chăm ngoan.	
6	Nguyễn Thành Đại	8,0	8,0	8,0			8,5	7,0	7,8	Học khá, chăm ngoan, có cố gắng.	
7	Phạm Minh Đạt	8,0	10,0	9,0			9,0	8,0	8,6	Học tốt, chăm ngoan.	
8	Nguyễn Trường Giang	8,0	7,0	9,0			8,8	8,3	8,3	Học tốt, chăm ngoan.	
9	Vương Ngọc Gia Hân	9,0	9,0	9,0			6,5	8,0	8,0	Học tốt, chăm ngoan.	
10	Cao Nguyễn Gia Hân	9,0	7,0	9,0			7,5	8,5	8,2	Học tốt, chăm ngoan.	
11	Nguyễn Huỳnh Ngọc Hân	9,0	10,0	8,0			9,3	9,3	9,2	Học tốt, chăm ngoan, có ý thức tự học cao.	
12	Lê Trọng Hiếu	10,0	9,0	9,0			6,5	5,3	7,1	Học khá, chăm ngoan.	
13	Nguyễn Văn Hiếu	10,0	8,0	9,0			7,5	7,0	7,9	Học khá, chăm ngoan, có cố gắng.	
14	Nguyễn Ngọc Minh Huy	8,0	9,0	8,0			9,0	8,5	8,6	Học tốt, chăm ngoan.	
15	Nguyễn Kelly	8,0	8,0	9,0			9,0	8,3	8,5	Học tốt, chăm ngoan.	
16	Đỗ Hữu Khang	9,0	9,0	9,0			7,3	7,5	8,0	Học tốt, chăm ngoan.	
17	Phạm Hữu Khánh	8,0	9,0	8,0			8,8	8,3	8,4	Học tốt, chăm ngoan.	
18	Nguyễn Trung Kiên	8,0	10,0	8,0			7,8	8,5	8,4	Học tốt, chăm ngoan.	
19	Dương Minh Kiệt	9,0	10,0	9,0			6,5	6,5	7,6	Học khá, chăm ngoan.	
20	Nguyễn Ngọc Lâm	7,0	10,0	7,0			9,3	7,3	8,1	Học tốt, chăm ngoan.	
21	Lê Ngọc Liễu	10,0	8,0	8,0			7,5	7,8	8,1	Học tốt, chăm ngoan.	
22	Huỳnh Thị Yến Linh	9,0	10,0	9,0			8,8	8,0	8,7	Học tốt, chăm ngoan.	
23	Trần Quang Lộc	10,0	9,0	9,0			7,3	6,8	7,9	Học khá, chăm ngoan, có cố gắng.	
24	Nguyễn Thị Phụng Nghi	9,0	8,0	9,0			9,0	8,5	8,7	Học tốt, chăm ngoan.	
25	Nguyễn Bảo Ngọc	9,0	9,0	8,0			8,8	8,8	8,8	Học tốt, chăm ngoan.	
26	Dương Trọng Nhân	8,0	8,0	8,0			8,0	7,0	7,6	Học khá, chăm ngoan.	
27	Đỗ Nhựt Ninh	8,0	10,0	9,0			7,5	6,5	7,7	Học khá, chăm ngoan.	
28	Nguyễn Thiên Phúc	9,0	10,0	9,0			6,5	8,8	8,4	Học tốt, chăm ngoan.	
29	Vô Ngô Mỹ Quyên	8,0	9,0	9,0			7,8	8,5	8,4	Học tốt, chăm ngoan.	
30	Vô Dương Tổ Quyên	9,0	10,0	8,0			8,8	8,0	8,6	Học tốt, chăm ngoan.	
31	Trần Phúc Phương Quỳnh	8,0	10,0	9,0			8,8	8,0	8,6	Học tốt, chăm ngoan.	
32	Nguyễn Thanh Thanh	10,0	9,0	9,0			8,8	8,8	9,0	Học tốt, chăm ngoan, có ý thức tự học cao.	
33	Phan Thanh Thảo	10,0	9,0	10,0			8,8	8,0	8,8	Học tốt, chăm ngoan.	
34	Nguyễn Thị Thanh Thảo	9,0	8,0	9,0			7,8	6,8	7,8	Học khá, chăm ngoan, có cố gắng.	
35	Nguyễn Chí Thiện	9,0	10,0	9,0			9,5	9,3	9,4	Học tốt, chăm ngoan, có ý thức tự học cao.	
36	Dương Đức Thịnh	9,0	7,0	9,0			6,8	6,5	7,3	Học khá, chăm ngoan.	
37	Huỳnh Ngọc Thoại	9,0	9,0	9,0			9,0	9,3	9,1	Học tốt, chăm ngoan, có ý thức tự học cao.	
38	Ngô Anh Thư	9,0	9,0	9,0			8,8	8,0	8,6	Học tốt, chăm ngoan.	
39	Phan Văn Toàn	7,0	9,0	8,0			8,5	7,3	7,9	Học khá, chăm ngoan, có cố gắng.	
40	Dương Thị Thu Trang	7,0	8,0	9,0			8,3	7,5	7,9	Học khá, chăm ngoan, có cố gắng.	
41	Bùi Thị Kim Tuyền	8,0	9,0	9,0			9,5	7,5	8,4	Học tốt, chăm ngoan.	
42	Bùi Thị Thảo Vi	8,0	7,0	9,0			8,0	7,3	7,7	Học khá, chăm ngoan.	
43	Trương Huỳnh Quang Vinh	10,0	7,0	9,0			8,5	8,3	8,5	Học tốt, chăm ngoan.	
44	Phan Hà Xuân Yến	7,0	9,0	9,0			7,3	7,8	7,9	Học khá, chăm ngoan, có cố gắng.	

Giáo viên môn học

(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngô Thị Đông Trang

Tin học HỌC KỲ I (dùng cho môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số)											
STT	Họ và tên	ĐĐGtx					ĐĐGgk	ĐĐGck	ĐTB mhk	Ghi Chú	
1	Nguyễn Phạm Đình An	9,0	8,0	9,0			8,0	6,0	7,5	Học khá	
2	Nguyễn Thị Kim Anh	9,0	10,0	9,0			9,0	7,5	8,6	Học tốt	
3	Dương Tuấn Anh	8,0	7,0	6,0			8,5	6,0	7,0	Học khá	
4	Trần Huỳnh Văn Anh	9,0	10,0	9,0			8,5	8,5	8,8	Học tốt, chăm	
5	Lê Quốc Cường	9,0	9,0	9,0			8,0	7,0	8,0	Học tốt	
6	Nguyễn Thành Đại	9,0	8,0	9,0			8,0	7,5	8,1	Học tốt, tích cực	
7	Phạm Minh Đạt	9,0	9,0	9,0			8,5	7,0	8,1	Học tốt	
8	Nguyễn Trường Giang	9,0	10,0	9,0			8,5	5,5	7,7	Học khá	
9	Vương Ngọc Gia Hân	9,0	10,0	9,0			7,5	7,0	8,0	Học tốt	
10	Cao Nguyễn Gia Hân	9,0	10,0	9,0			9,0	6,0	8,0	Học tốt	
11	Nguyễn Huỳnh Ngọc Hân	9,0	10,0	9,0			8,5	8,5	8,8	Học tốt	
12	Lê Trọng Hiếu	9,0	7,0	9,0			7,5	5,0	6,9	Học khá ,cần cố gắng hơn	
13	Nguyễn Văn Hiếu	9,0	9,0	9,0			8,5	6,5	7,9	Học khá	
14	Nguyễn Ngọc Minh Huy	8,0	9,0	9,0			9,0	6,5	7,9	Học khá	
15	Nguyễn Kelly	7,0	9,0	7,0			8,5	9,0	8,4	Học tốt	
16	Đỗ Hữu Khang	8,0	8,0	9,0			8,5	6,5	7,7	Học khá	
17	Phạm Hữu Khánh	8,0	9,0	9,0			8,0	6,5	7,7	Học khá	
18	Nguyễn Trung Kiên	9,0	7,0	9,0			8,5	7,5	8,1	Học tốt	
19	Dương Minh Kiệt	9,0	8,0	9,0			8,5	7,0	8,0	Học tốt	
20	Nguyễn Ngọc Lâm	8,0	6,0	8,0			8,0	6,0	7,0	Học khá	
21	Lê Ngọc Liễu	8,0	7,0	8,0			8,5	7,5	7,8	Học khá	
22	Huỳnh Thị Yến Linh	9,0	10,0	8,0			9,5	7,5	8,6	Học tốt	
23	Trần Quang Lộc	9,0	10,0	9,0			9,0	7,5	8,6	Học tốt, chăm ngoan	
24	Nguyễn Thị Phụng Nghi	9,0	10,0	9,0			8,5	6,5	8,1	Học tốt	
25	Nguyễn Bảo Ngọc	9,0	8,0	8,0			8,5	8,0	8,3	Học tốt	
26	Dương Trọng Nhân	8,0	10,0	8,0			9,0	7,5	8,3	Học tốt, ngoan	
27	Đỗ Nhật Ninh	8,0	10,0	8,0			9,0	6,5	7,9	Học khá	
28	Nguyễn Thiên Phúc	9,0	8,0	9,0			9,5	7,5	8,4	Học tốt, tích cực	
29	Vô Ngô Mỹ Quyên	9,0	8,0	9,0			8,5	7,5	8,2	Học tốt	
30	Vô Dương Tổ Quyên	9,0	8,0	9,0			10,0	7,5	8,6	Học tốt	
31	Trần Phúc Phương Quỳnh	9,0	8,0	9,0			8,5	7,0	8,0	Học tốt	
32	Nguyễn Thanh Thanh	9,0	10,0	9,0			8,0	8,5	8,7	Học tốt	
33	Phan Thanh Thảo	9,0	10,0	9,0			8,5	7,5	8,4	Học tốt	
34	Nguyễn Thị Thanh Thảo	9,0	9,0	9,0			8,5	8,0	8,5	Học tốt	
35	Nguyễn Chí Thiện	8,0	10,0	9,0			9,0	9,0	9,0	Học tốt, tích cực	
36	Dương Đức Thịnh	8,0	10,0	9,0			8,0	7,0	8,0	Học tốt	
37	Huỳnh Ngọc Thoại	9,0	8,0	7,0			8,5	9,0	8,5	Học tốt	
38	Ngô Anh Thư	10,0	10,0	8,0			8,5	6,5	8,1	Học tốt	
39	Phan Văn Toàn	7,0	6,0	6,0			8,0	7,0	7,0	Học khá, cần cố gắng hơn	
40	Dương Thị Thu Trang	9,0	10,0	8,0			8,5	8,5	8,7	Học tốt	
41	Bùi Thị Kim Tuyền	8,0	7,0	10,0			9,0	7,5	8,2	Học tốt	
42	Bùi Thị Thảo Vi	10,0	10,0	8,0			8,5	9,0	9,0	Học tốt	
43	Trương Huỳnh Quang Vinh	9,0	8,0	9,0			8,0	6,5	7,7	Học khá	
44	Phan Hà Xuân Yến	8,0	8,0	10,0			7,0	5,5	7,1	Học khá	

Giáo viên môn học

(Ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Thị Huyền Trân

HỌC KỲ I Ngữ văn (dùng cho môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số)											
STT	Họ và tên	ĐDGtx					ĐDGgk	ĐDGck	ĐTB mhk	Ghi Chú	
1	Nguyễn Phạm Đình An	9,0	8,0	8,0	8,0		8,5	6,0	7,6	Cần cố gắng hơn sẽ đạt kết quả cao	
2	Nguyễn Thị Kim Anh	9,0	10,0	10,0	10,0		8,5	6,5	8,4	Học giỏi, chăm ngoan	
3	Dương Tuấn Anh	8,0	7,0	7,0	9,0		6,0	5,5	6,6	Cần cố gắng nhiều hơn	
4	Trần Huỳnh Văn Anh	10,0	8,0	10,0	9,0		10,0	8,0	9,0	Ngoan, chăm chỉ, gương mẫu	
5	Lê Quốc Cường	10,0	10,0	9,0	9,0		7,5	7,0	8,2	Học giỏi, chăm ngoan	
6	Nguyễn Thành Đại	10,0	10,0	10,0	10,0		9,0	7,5	8,9	Chăm chỉ, năng động và sáng tạo	
7	Phạm Minh Đạt	8,0	9,0	9,0	10,0		8,0	6,5	7,9	Chăm chỉ, biết cố gắng	
8	Nguyễn Trường Giang	9,0	8,0	9,0	10,0		9,0	6,5	8,2	Tinh thần học tập tốt, năng động	
9	Vương Ngọc Gia Hân	7,0	6,0	9,0	9,0		9,0	7,0	7,8	Có tiến bộ, cần cố gắng hơn	
10	Cao Nguyễn Gia Hân	9,0	9,0	10,0	9,0		9,5	7,5	8,7	Chăm chỉ, năng động và sáng tạo	
11	Nguyễn Huỳnh Ngọc Hân	10,0	10,0	8,0	9,0		8,5	8,0	8,7	Chăm chỉ, năng động và sáng tạo	
12	Lê Trọng Hiếu	8,0	8,0	9,0	10,0		8,5	7,0	8,1	Tinh thần học tập tốt, năng động	
13	Nguyễn Văn Hiếu	8,0	10,0	9,0	8,0		9,0	7,0	8,2	Học giỏi, chăm ngoan	
14	Nguyễn Ngọc Minh Huy	5,0	8,0	7,0	8,0		6,5	7,0	6,9	Khá, cần rèn luyện phương pháp học tập	
15	Nguyễn Kelly	8,0	9,0	9,0	9,0		9,0	6,5	8,1	Giỏi, có nhiều tiến bộ trong học tập	
16	Đỗ Hữu Khang	8,0	8,0	9,0	9,0		9,5	7,5	8,4	Giỏi, có nhiều tiến bộ trong học tập	
17	Phạm Hữu Khánh	9,0	7,0	8,0	8,0		7,5	6,5	7,4	Có cố gắng, cần tập trung sẽ hiệu quả hơn	
18	Nguyễn Trung Kiên	8,0	7,0	10,0	9,0		8,5	6,5	7,8	Có tiến bộ, cần cố gắng hơn	
19	Dương Minh Kiệt	9,0	9,0	10,0	9,0		9,0	7,0	8,4	Học giỏi, chăm ngoan	
20	Nguyễn Ngọc Lâm	8,0	7,0	9,0	7,0		7,5	6,0	7,1	Cần rèn luyện nhiều hơn trong học tập	
21	Lê Ngọc Liễu	8,0	7,0	10,0	9,0		8,0	7,0	7,9	Cần cố gắng hơn sẽ đạt kết quả cao	
22	Huỳnh Thị Yến Linh	9,0	10,0	10,0	10,0		9,5	7,0	8,8	Chăm chỉ, năng động và sáng tạo	
23	Trần Quang Lộc	9,0	8,0	9,0	10,0		9,0	7,5	8,5	Ngoan, chăm chỉ và rất cố gắng.	
24	Nguyễn Thị Phụng Nghi	9,0	9,0	10,0	7,0		9,0	6,0	7,9	Học khá, có sáng tạo và năng động	
25	Nguyễn Bảo Ngọc	9,0	8,0	10,0	9,0		9,0	7,0	8,3	Tinh thần học tập tốt, năng động	
26	Dương Trọng Nhân	8,0	8,0	9,0	9,0		6,5	5,0	6,9	Học khá, cần cố gắng nhiều hơn	
27	Đỗ Nhựt Ninh	8,0	8,0	9,0	8,0		7,5	6,5	7,5	Có tiến bộ, cần cố gắng hơn	
28	Nguyễn Thiên Phúc	10,0	10,0	10,0	10,0		9,5	7,5	9,1	Học giỏi, năng động và sáng tạo trong học tập	
29	Võ Ngô Mỹ Quyên	10,0	9,0	10,0	10,0		10,0	8,0	9,2	Ngoan, chăm chỉ, gương mẫu	
30	Võ Dương Tổ Quyên	8,0	7,0	10,0	7,0		9,5	7,5	8,2	Học giỏi, chăm ngoan	
31	Trần Phúc Phương Quỳnh	10,0	10,0	10,0	10,0		9,0	7,0	8,8	Ngoan, chăm chỉ và rất cố gắng.	
32	Nguyễn Thanh Thanh	9,0	10,0	10,0	9,0		8,0	7,0	8,3	Học giỏi, chăm ngoan	
33	Phan Thanh Thảo	10,0	10,0	10,0	10,0		9,5	7,5	9,1	Học giỏi, năng động và sáng tạo trong học tập	
34	Nguyễn Thị Thanh Thảo	10,0	10,0	10,0	10,0		9,5	7,5	9,1	Học giỏi, năng động và sáng tạo trong học tập	
35	Nguyễn Chí Thiện	7,0	10,0	10,0	9,0		9,0	7,5	8,5	Chăm chỉ, năng động và sáng tạo	
36	Dương Đức Thịnh	7,0	9,0	8,0	8,0		5,5	7,0	7,1	Cần rèn luyện nhiều hơn trong học tập	
37	Huỳnh Ngọc Thoại	8,0	7,0	10,0	9,0		8,5	6,5	7,8	Có tiến bộ, cần cố gắng hơn	
38	Ngô Anh Thư	9,0	10,0	9,0	9,0		9,0	8,0	8,8	Rất cố gắng, đáng khen	
39	Phan Văn Toàn	9,0	8,0	9,0	9,0		6,5	5,5	7,2	Cần rèn luyện nhiều hơn trong học tập	
40	Dương Thị Thu Trang	10,0	9,0	10,0	10,0		9,0	7,0	8,7	Ngoan, chăm chỉ và rất cố gắng.	
41	Bùi Thị Kim Tuyền	8,0	8,0	9,0	8,0		8,0	5,5	7,3	Cố gắng hơn nữa sẽ tiến bộ	
42	Bùi Thị Thảo Vi	9,0	10,0	9,0	10,0		8,5	7,0	8,4	Học giỏi, chăm ngoan	
43	Trương Huỳnh Quang Vinh	9,0	10,0	10,0	9,0		8,5	7,5	8,6	Ngoan, chăm chỉ và rất cố gắng.	
44	Phan Hà Xuân Yến	9,0	9,0	8,0	10,0		7,0	6,0	7,6	Có tiến bộ, cần cố gắng hơn	

Giáo viên môn học

(Ký và ghi rõ họ tên)

Võ Thị Kiều Trang

HỌC KỲ I Lịch sử (dùng cho môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số)												
STT	Họ và tên	ĐĐGtx					ĐĐGgk	ĐĐGck	ĐTB mhk	Ghi Chú		
1	Nguyễn Phạm Đình An	9,0	9,0	8,0			6,0	8,8	8,1	Chăm, ngoan, có ý thức học tập tốt.		
2	Nguyễn Thị Kim Anh	9,0	8,0	9,0			8,0	8,3	8,4	Chăm, ngoan, có ý thức học tập tốt.		
3	Dương Tuấn Anh	7,0	8,0	9,0			6,8	6,0	7,0	Học khá, có cố gắng.		
4	Trần Huỳnh Văn Anh	9,0	8,0	9,0			7,8	9,8	8,9	Chăm, ngoan, có ý thức học tập tốt.		
5	Lê Quốc Cường	10,0	8,0	8,0			7,5	7,8	8,1	Chăm, ngoan, có ý thức học tập tốt.		
6	Nguyễn Thành Đại	9,0	8,0	7,0			7,5	9,8	8,6	Chăm, ngoan, có ý thức học tập tốt.		
7	Phạm Minh Đạt	9,0	9,0	8,0			7,3	6,8	7,6	Học khá, có cố gắng.		
8	Nguyễn Trường Giang	9,0	8,0	8,0			6,5	9,0	8,1	Chăm, ngoan, có ý thức học tập tốt.		
9	Vương Ngọc Gia Hân	10,0	9,0	9,0			8,8	8,8	9,0	Chăm, ngoan, có ý thức học tập tốt.		
10	Cao Nguyễn Gia Hân	10,0	9,0	8,0			8,0	9,3	8,9	Chăm, ngoan, có ý thức học tập tốt.		
11	Nguyễn Huỳnh Ngọc Hân	9,0	9,0	8,0			7,5	8,0	8,1	Chăm, ngoan, có ý thức học tập tốt.		
12	Lê Trọng Hiếu	10,0	9,0	9,0			8,5	7,3	8,4	Chăm, ngoan, có ý thức học tập tốt.		
13	Nguyễn Văn Hiếu	9,0	9,0	9,0			6,8	6,8	7,6	Học khá, có cố gắng.		
14	Nguyễn Ngọc Minh Huy	9,0	9,0	9,0			7,3	8,5	8,4	Chăm, ngoan, có ý thức học tập tốt.		
15	Nguyễn Kelly	8,0	7,0	8,0			8,8	9,0	8,5	Chăm, ngoan, có ý thức học tập tốt.		
16	Đỗ Hữu Khang	9,0	9,0	8,0			7,3	8,0	8,1	Chăm, ngoan, có ý thức học tập tốt.		
17	Phạm Hữu Khánh	7,0	8,0	8,0			5,3	7,6	7,1	Học khá, có cố gắng.		
18	Nguyễn Trung Kiên	10,0	8,0	9,0			7,8	8,5	8,5	Chăm, ngoan, có ý thức học tập tốt.		
19	Dương Minh Kiệt	10,0	9,0	8,0			8,3	9,5	9,0	Chăm, ngoan, có ý thức học tập tốt.		
20	Nguyễn Ngọc Lâm	8,0	7,0	8,0			7,0	6,6	7,1	Học khá, có cố gắng.		
21	Lê Ngọc Liễu	9,0	9,0	8,0			7,5	7,3	7,9	Học khá, có cố gắng.		
22	Huỳnh Thị Yến Linh	10,0	8,0	8,0			7,3	8,0	8,1	Chăm, ngoan, có ý thức học tập tốt.		
23	Trần Quang Lộc	9,0	9,0	8,0			5,8	7,8	7,6	Học khá, có cố gắng.		
24	Nguyễn Thị Phụng Nghi	10,0	8,0	9,0			7,3	8,6	8,4	Chăm, ngoan, có ý thức học tập tốt.		
25	Nguyễn Bảo Ngọc	10,0	8,0	8,0			8,3	8,8	8,6	Chăm, ngoan, có ý thức học tập tốt.		
26	Dương Trọng Nhân	7,0	8,0	9,0			7,5	9,5	8,4	Chăm, ngoan, có ý thức học tập tốt.		
27	Đỗ Nhựt Ninh	10,0	8,0	8,0			6,8	8,8	8,3	Chăm, ngoan, có ý thức học tập tốt.		
28	Nguyễn Thiên Phúc	10,0	8,0	9,0			7,8	7,0	8,0	Chăm, ngoan, có ý thức học tập tốt.		
29	Vô Ngô Mỹ Quyên	9,0	9,0	8,0			6,1	8,3	7,9	Học khá, có cố gắng.		
30	Vô Dương Tổ Quyên	9,0	9,0	8,0			6,0	5,6	6,9	Học khá, có cố gắng.		
31	Trần Phúc Phương Quỳnh	9,0	9,0	8,0			5,5	7,1	7,3	Học khá, có cố gắng.		
32	Nguyễn Thanh Thanh	9,0	9,0	8,0			8,5	8,3	8,5	Chăm, ngoan, có ý thức học tập tốt.		
33	Phan Thanh Thảo	10,0	9,0	9,0			8,3	9,5	9,1	Chăm, ngoan, có ý thức học tập tốt.		
34	Nguyễn Thị Thanh Thảo	9,0	9,0	8,0			7,5	9,5	8,7	Chăm, ngoan, có ý thức học tập tốt.		
35	Nguyễn Chí Thiện	10,0	9,0	8,0			8,0	9,3	8,9	Chăm, ngoan, có ý thức học tập tốt.		
36	Dương Đức Thịnh	9,0	9,0	9,0			6,3	5,8	7,1	Học khá, có cố gắng.		
37	Huỳnh Ngọc Thoại	10,0	8,0	7,0			7,3	8,8	8,3	Chăm, ngoan, có ý thức học tập tốt.		
38	Ngô Anh Thư	9,0	9,0	8,0			8,3	7,5	8,1	Chăm, ngoan, có ý thức học tập tốt.		
39	Phan Văn Toàn	9,0	9,0	8,0			7,3	6,6	7,6	Học khá, có cố gắng.		
40	Dương Thị Thu Trang	10,0	9,0	9,0			7,0	9,1	8,7	Chăm, ngoan, có ý thức học tập tốt.		
41	Bùi Thị Kim Tuyền	9,0	8,0	8,0			6,8	9,0	8,2	Chăm, ngoan, có ý thức học tập tốt.		
42	Bùi Thị Thảo Vi	10,0	9,0	8,0			6,3	8,5	8,1	Chăm, ngoan, có ý thức học tập tốt.		
43	Trương Huỳnh Quang Vinh	10,0	8,0	8,0			6,8	9,0	8,3	Chăm, ngoan, có ý thức học tập tốt.		
44	Phan Hà Xuân Yến	8,0	9,0	7,0			6,5	8,5	7,8	Học khá, có cố gắng.		

Giáo viên môn học

(Ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Thị Lê Huyền

HỌC KỲ I

Ngoại ngữ 1 (dùng cho môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số)

STT	Họ và tên	ĐĐGtx					ĐĐGgk	ĐĐGck	ĐTB mhk	Ghi Chú
1	Nguyễn Phạm Đình An	8,0	4,0	7,5	9,0		4,8	5,4	6,0	Cần cố gắng hơn
2	Nguyễn Thị Kim Anh	8,5	7,5	6,0	9,0		6,3	6,3	6,9	Học khá, ngoan.
3	Dương Tuấn Anh	8,5	5,0	5,5	8,0		7,5	5,3	6,4	Cần cố gắng hơn
4	Trần Huỳnh Văn Anh	8,0	8,0	6,5	9,0		5,3	7,5	7,2	Học khá, ngoan.
5	Lê Quốc Cường	9,0	6,5	5,0	9,0		5,0	6,6	6,6	Học khá, ngoan.
6	Nguyễn Thành Đại	8,5	5,0	8,0	9,0		4,5	5,2	6,1	Cần cố gắng hơn
7	Phạm Minh Đạt	8,0	4,5	6,5	8,0		8,0	6,7	7,0	Học khá, ngoan.
8	Nguyễn Trường Giang	8,0	7,0	8,0	9,0		5,8	8,2	7,6	Học khá, ngoan.
9	Vương Ngọc Gia Hân	8,5	6,0	8,5	9,0		5,0	8,0	7,3	Học khá, ngoan.
10	Cao Nguyễn Gia Hân	8,5	9,5	8,0	9,0		4,0	7,6	7,3	Học khá, ngoan.
11	Nguyễn Huỳnh Ngọc Hân	8,0	10,0	9,5	9,0		7,0	8,8	8,5	Học tốt, ngoan.
12	Lê Trọng Hiếu	9,0	5,5	5,5	9,0		5,3	4,8	6,0	Cần cố gắng hơn, cần tập trung vào việc học hơn
13	Nguyễn Văn Hiếu	8,0	5,5	6,5	9,0		3,0	4,4	5,4	Cần cố gắng hơn, cần tập trung vào việc học
14	Nguyễn Ngọc Minh Huy	8,5	8,5	5,0	8,0		6,5	8,5	7,6	Học khá, ngoan.
15	Nguyễn Kelly	8,5	8,0	9,0	7,0		8,5	8,4	8,3	Học tốt.
16	Đỗ Hữu Khang	9,0	9,0	9,0	10,0		5,5	8,0	8,0	Học tốt, ngoan.
17	Phạm Hữu Khánh	8,0	5,0	6,5	9,0		4,3	4,2	5,5	Cần cố gắng hơn.
18	Nguyễn Trung Kiên	8,0	6,5	8,0	9,0		4,8	6,2	6,6	Học khá, ngoan.
19	Dương Minh Kiệt	8,0	9,0	5,5	8,0		5,0	6,0	6,5	Học khá, ngoan.
20	Nguyễn Ngọc Lâm	8,0	6,0	6,0	7,0		2,8	6,4	5,8	Cần cố gắng hơn.
21	Lê Ngọc Liễu	8,5	9,0	6,5	9,0		6,8	8,3	7,9	Học khá, ngoan.
22	Huỳnh Thị Yến Linh	8,0	5,5	7,5	8,0		6,0	8,8	7,5	Học khá, ngoan.
23	Trần Quang Lộc	8,0	5,0	8,0	9,0		5,3	8,2	7,2	Học khá, ngoan.
24	Nguyễn Thị Phụng Nghi	8,0	7,0	7,5	9,0		3,8	6,6	6,5	Học khá, ngoan.
25	Nguyễn Bảo Ngọc	8,0	9,5	6,5	8,0		7,0	8,6	8,0	Học tốt, ngoan.
26	Dương Trọng Nhân	8,0	5,0	5,5	8,0		6,0	5,9	6,2	Cần cố gắng hơn
27	Đỗ Nhựt Ninh	8,5	10,0	8,5	9,0		6,8	6,5	7,7	Học khá, ngoan.
28	Nguyễn Thiên Phúc	9,0	9,0	8,0	9,0		6,3	9,6	8,5	Học tốt, ngoan.
29	Võ Ngô Mỹ Quyên	8,0	5,0	5,0	8,0		5,0	7,6	6,5	Học khá, ngoan.
30	Võ Dương Tổ Quyên	8,0	6,0	9,5	8,0		8,0	7,2	7,7	Học khá, ngoan.
31	Trần Phúc Phương Quỳnh	8,0	8,5	9,0	9,0		7,5	8,8	8,4	Học tốt, ngoan.
32	Nguyễn Thanh Thanh	8,0	9,0	8,5	8,0		8,0	9,6	8,7	Học giỏi, chăm ngoan
33	Phan Thanh Thảo	8,0	9,0	9,5	9,0		5,8	10,0	8,6	Học giỏi, chăm ngoan
34	Nguyễn Thị Thanh Thảo	8,5	5,0	5,5	9,0		3,3	6,8	6,1	Cần cố gắng hơn.
35	Nguyễn Chí Thiện	8,0	4,5	9,5	8,0		6,3	9,5	7,9	Học khá, ngoan.
36	Dương Đức Thịnh	9,0	5,0	4,0	9,0		5,5	4,6	5,8	Cần cố gắng hơn, cần tập trung vào việc học nhiều hơn
37	Huỳnh Ngọc Thoại	8,5	6,5	6,5	8,0		5,0	8,9	7,4	Học khá, ngoan.
38	Ngô Anh Thư	8,0	10,0	9,5	9,0		5,8	9,0	8,3	Học tốt, ngoan.
39	Phan Văn Toàn	8,5	6,5	7,5	9,0		2,3	5,3	5,8	Cần cố gắng hơn
40	Dương Thị Thu Trang	8,5	5,0	6,5	9,0		7,3	8,4	7,6	Học khá, ngoan.
41	Bùi Thị Kim Tuyền	8,0	5,5	7,0	9,0		5,0	7,7	7,0	Học khá, ngoan.
42	Bùi Thị Thảo Vi	8,5	8,0	6,5	9,0		5,3	8,6	7,6	Học khá, ngoan.
43	Trương Huỳnh Quang Vinh	8,0	5,0	6,5	9,0		3,8	8,8	6,9	Học khá, ngoan.
44	Phan Hà Xuân Yến	8,0	6,5	4,5	8,0		4,8	7,8	6,7	Học khá, ngoan.

Giáo viên môn học
(Ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Thị Kim Thoa

Giáo Dục Quốc Phòng

(dùng cho môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số)

STT	Họ và tên	ĐDGtk					ĐDGk	ĐDGck	ĐTB mhk	Ghi Chú
1	Nguyễn Phạm Đình An	8,0	8,0				6,8	8,8	8,0	Học tốt, chăm ngoan.
2	Nguyễn Thị Kim Anh	9,0	9,0				8,0	8,8	8,6	Học tốt, chăm ngoan.
3	Dương Tuấn Anh	5,0	7,0				8,5	9,3	8,1	Học tốt, chăm ngoan.
4	Trần Huỳnh Văn Anh	9,0	9,0				8,0	8,8	8,6	Học tốt, chăm ngoan.
5	Lê Quốc Cường	8,0	9,0				9,5	9,3	9,1	Học tốt, chăm ngoan.
6	Nguyễn Thành Đại	8,0	8,0				7,5	9,3	8,4	Học tốt, chăm ngoan.
7	Phạm Minh Đạt	8,0	8,0				8,0	9,3	8,6	Học tốt, chăm ngoan.
8	Nguyễn Trường Giang	9,0	8,0				8,5	8,5	8,5	Học tốt, chăm ngoan.
9	Vương Ngọc Gia Hân	8,0	9,0				8,5	9,0	8,7	Học tốt, chăm ngoan.
10	Cao Nguyễn Gia Hân	9,0	8,0				7,0	9,0	8,3	Học tốt, chăm ngoan.
11	Nguyễn Huỳnh Ngọc Hân	9,0	9,0				9,0	8,5	8,8	Học tốt, chăm ngoan.
12	Lê Trọng Hiếu	8,0	8,0				8,0	8,0	8,0	Học tốt, chăm ngoan.
13	Nguyễn Văn Hiếu	5,0	7,0				6,5	9,0	7,4	Học khá, có cố gắng.
14	Nguyễn Ngọc Minh Huy	5,0	7,0				7,5	9,0	7,7	Học khá, có cố gắng.
15	Nguyễn Kelly	5,0	7,0				8,0	8,0	7,4	Học khá, có cố gắng.
16	Đỗ Hữu Khang	9,0	9,0				8,0	9,0	8,7	Học tốt, chăm ngoan.
17	Phạm Hữu Khánh	8,0	8,0				8,0	9,3	8,6	Học tốt, chăm ngoan.
18	Nguyễn Trung Kiên	7,0	7,0				8,0	8,8	8,1	Học tốt, chăm ngoan.
19	Dương Minh Kiệt	9,0	8,0				8,0	8,5	8,4	Học tốt, chăm ngoan.
20	Nguyễn Ngọc Lâm	5,0	7,0				7,5	9,3	7,8	Học khá, có cố gắng.
21	Lê Ngọc Liễu	8,0	8,0				8,0	8,5	8,2	Học tốt, chăm ngoan.
22	Huỳnh Thị Yến Linh	9,0	8,0				8,0	9,3	8,7	Học tốt, chăm ngoan.
23	Trần Quang Lộc	8,0	8,0				8,5	9,0	8,6	Học tốt, chăm ngoan.
24	Nguyễn Thị Phụng Nghi	9,0	9,0				8,5	9,0	8,9	Học tốt, chăm ngoan.
25	Nguyễn Bảo Ngọc	8,0	8,0				9,0	7,8	8,2	Học tốt, chăm ngoan.
26	Dương Trọng Nhân	9,0	9,0				8,5	9,0	8,9	Học tốt, chăm ngoan.
27	Đỗ Nhựt Ninh	8,0	8,0				7,5	9,3	8,4	Học tốt, chăm ngoan.
28	Nguyễn Thiên Phúc	9,0	9,0				9,5	8,0	8,7	Học tốt, chăm ngoan.
29	Võ Ngô Mỹ Quyên	9,0	9,0				8,0	9,5	8,9	Học tốt, chăm ngoan.
30	Võ Dương Tổ Quyên	8,0	8,0				7,5	9,0	8,3	Học tốt, chăm ngoan.
31	Trần Phúc Phương Quỳnh	9,0	9,0				8,0	9,3	8,8	Học tốt, chăm ngoan.
32	Nguyễn Thanh Thanh	9,0	9,0				9,5	9,3	9,3	Học tốt, chăm ngoan.
33	Phan Thanh Thảo	9,0	9,0				9,5	9,3	9,3	Học tốt, chăm ngoan.
34	Nguyễn Thị Thanh Thảo	9,0	8,0				8,0	9,0	8,6	Học tốt, chăm ngoan.
35	Nguyễn Chí Thiện	8,0	8,0				8,0	8,8	8,3	Học tốt, chăm ngoan.
36	Dương Đức Thịnh	9,0	9,0				8,5	9,8	9,2	Học tốt, chăm ngoan.
37	Huỳnh Ngọc Thoại	8,0	8,0				6,5	9,3	8,1	Học tốt, chăm ngoan.
38	Ngô Anh Thư	9,0	9,0				8,0	9,0	8,7	Học tốt, chăm ngoan.
39	Phan Văn Toàn	5,0	7,0				8,5	8,5	7,8	Học khá, có cố gắng.
40	Dương Thị Thu Trang	9,0	9,0				7,5	9,0	8,6	Học tốt, chăm ngoan.
41	Bùi Thị Kim Tuyền	9,0	9,0				8,0	8,8	8,6	Học tốt, chăm ngoan.
42	Bùi Thị Thảo Vi	9,0	9,0				8,0	9,0	8,7	Học tốt, chăm ngoan.
43	Trương Huỳnh Quang Vinh	8,0	8,0				8,5	9,0	8,6	Học tốt, chăm ngoan.
44	Phan Hà Xuân Yến	8,0	8,0				8,5	9,0	8,6	Học tốt, chăm ngoan.

(Ký và ghi rõ họ tên,

Nguyễn Văn Em

Giáo dục thể chất										
HỌC KỲ I										
(dùng cho môn học đánh giá bằng nhận xét)										
STT	Họ và tên	Mức đánh giá								Ghi Chú
		Đạt(Đ), Chưa đạt(CĐ)					Thường Xuyên	Giữa kỳ	Cuối kỳ	
1	Nguyễn Phạm Đình An	Đ	Đ							Đ
2	Nguyễn Thị Kim Anh	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Học tốt, chăm ngoan.
3	Dương Tuấn Anh	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Học tốt, chăm ngoan.
4	Trần Huỳnh Văn Anh	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Học tốt, chăm ngoan.
5	Lê Quốc Cường	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm, ngoan, tích cực trong giờ học!
6	Nguyễn Thành Đại	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm, ngoan, tích cực trong giờ học!
7	Phạm Minh Đạt	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm, ngoan, tích cực trong giờ học!
8	Nguyễn Trường Giang	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm, ngoan, tích cực trong giờ học!
9	Vương Ngọc Gia Hân	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm, ngoan, tích cực trong giờ học!
10	Cao Nguyễn Gia Hân	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Học tốt, chăm ngoan.
11	Nguyễn Huỳnh Ngọc Hân	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Học tốt, chăm ngoan.
12	Lê Trọng Hiếu	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Học tốt, chăm ngoan.
13	Nguyễn Văn Hiếu	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Học tốt, chăm ngoan.
14	Nguyễn Ngọc Minh Huy	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Học tốt, chăm ngoan.
15	Nguyễn Kelly	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm, ngoan, tích cực trong giờ học!
16	Đỗ Hữu Khang	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Học tốt, chăm ngoan.
17	Phạm Hữu Khánh	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm, ngoan, tích cực trong giờ học!
18	Nguyễn Trung Kiên	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm, ngoan, tích cực trong giờ học!
19	Dương Minh Kiệt	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm, ngoan, tích cực trong giờ học!
20	Nguyễn Ngọc Lâm	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Học tốt, chăm ngoan.
21	Lê Ngọc Liễu	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Học tốt, chăm ngoan.
22	Huỳnh Thị Yến Linh	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Học tốt, chăm ngoan.
23	Trần Quang Lộc	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Học tốt, chăm ngoan.
24	Nguyễn Thị Phụng Nghi	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm, ngoan, tích cực trong giờ học!
25	Nguyễn Bảo Ngọc	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm, ngoan, tích cực trong giờ học!
26	Dương Trọng Nhân	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm, ngoan, tích cực trong giờ học!
27	Đỗ Nhựt Ninh	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Học tốt, chăm ngoan.
28	Nguyễn Thiên Phúc	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Học tốt, chăm ngoan.
29	Võ Ngô Mỹ Quyên	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Học tốt, chăm ngoan.
30	Võ Dương Tổ Quyên	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Học tốt, chăm ngoan.
31	Trần Phúc Phương Quỳnh	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Học tốt, chăm ngoan.
32	Nguyễn Thanh Thanh	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm, ngoan, tích cực trong giờ học!
33	Phan Thanh Thảo	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm, ngoan, tích cực trong giờ học!
34	Nguyễn Thị Thanh Thảo	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Học tốt, chăm ngoan.
35	Nguyễn Chí Thiện	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm, ngoan, tích cực trong giờ học!
36	Dương Đức Thịnh	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm, ngoan, tích cực trong giờ học!
37	Huỳnh Ngọc Thoại	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Học tốt, chăm ngoan.
38	Ngô Anh Thư	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm, ngoan, tích cực trong giờ học!
39	Phan Văn Toàn	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Học tốt, chăm ngoan.
40	Dương Thị Thu Trang	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Học tốt, chăm ngoan.
41	Bùi Thị Kim Tuyền	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Học tốt, chăm ngoan.
42	Bùi Thị Thảo Vi	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm, ngoan, tích cực trong giờ học!
43	Trương Huỳnh Quang Vinh	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm, ngoan, tích cực trong giờ học!
44	Phan Hà Xuân Yến	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Học tốt, chăm ngoan.

Giáo viên môn học

(Ký và ghi rõ họ tên)

Trần Hồ Minh Tiến

Giáo dục địa phương											
HỌC KỲ I											
(dùng cho môn học đánh giá bằng nhận xét)											
STT	Họ và tên	Mức đánh giá								Ghi Chú	
		Đạt(Đ), Chưa đạt(CĐ)						Thường Xuyên	Giữa kỳ		Cuối kỳ
1	Nguyễn Phạm Đình An	Đ	Đ							Đ	
2	Nguyễn Thị Kim Anh	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Hòa đồng, chăm ngoan, học tốt.
3	Dương Tuấn Anh	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Lễ phép, chăm chỉ, học tốt.
4	Trần Huỳnh Văn Anh	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Lễ phép, chăm chỉ, học tốt.
5	Lê Quốc Cường	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Hòa đồng, chăm ngoan, học tốt.
6	Nguyễn Thành Đại	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Lễ phép, chăm chỉ, học tốt.
7	Phạm Minh Đạt	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Hòa đồng, chăm ngoan, học tốt.
8	Nguyễn Trường Giang	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Lễ phép, chăm chỉ, học tốt.
9	Vương Ngọc Gia Hân	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Hòa đồng, chăm ngoan, học tốt.
10	Cao Nguyễn Gia Hân	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Hòa đồng, chăm ngoan, học tốt.
11	Nguyễn Huỳnh Ngọc Hân	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Hòa đồng, chăm ngoan, học tốt.
12	Lê Trọng Hiếu	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Lễ phép, chăm chỉ, học tốt.
13	Nguyễn Văn Hiếu	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Lễ phép, chăm chỉ, học tốt.
14	Nguyễn Ngọc Minh Huy	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Hòa đồng, chăm ngoan, học tốt.
15	Nguyễn Kelly	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Hòa đồng, chăm ngoan, học tốt.
16	Đỗ Hữu Khang	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Hòa đồng, chăm ngoan, học tốt.
17	Phạm Hữu Khánh	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Lễ phép, chăm chỉ, học tốt.
18	Nguyễn Trung Kiên	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Hòa đồng, chăm ngoan, học tốt.
19	Dương Minh Kiệt	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Hòa đồng, chăm ngoan, học tốt.
20	Nguyễn Ngọc Lâm	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Hòa đồng, chăm ngoan, học tốt.
21	Lê Ngọc Liễu	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Hòa đồng, chăm ngoan, học tốt.
22	Huỳnh Thị Yến Linh	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Lễ phép, chăm chỉ, học tốt.
23	Trần Quang Lộc	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Hòa đồng, chăm ngoan, học tốt.
24	Nguyễn Thị Phụng Nghi	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Hòa đồng, chăm ngoan, học tốt.
25	Nguyễn Bảo Ngọc	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Hòa đồng, chăm ngoan, học tốt.
26	Dương Trọng Nhân	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Lễ phép, chăm chỉ, học tốt.
27	Đỗ Nhựt Ninh	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Lễ phép, chăm chỉ, học tốt.
28	Nguyễn Thiên Phúc	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Hòa đồng, chăm ngoan, học tốt.
29	Võ Ngô Mỹ Quyên	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Hòa đồng, chăm ngoan, học tốt.
30	Võ Dương Tổ Quyên	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Hòa đồng, chăm ngoan, học tốt.
31	Trần Phúc Phương Quỳnh	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Lễ phép, chăm chỉ, học tốt.
32	Nguyễn Thanh Thanh	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Hòa đồng, chăm ngoan, học tốt.
33	Phan Thanh Thảo	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Hòa đồng, chăm ngoan, học tốt.
34	Nguyễn Thị Thanh Thảo	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Hòa đồng, chăm ngoan, học tốt.
35	Nguyễn Chí Thiện	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Lễ phép, chăm chỉ, học tốt.
36	Dương Đức Thịnh	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Lễ phép, chăm chỉ, học tốt.
37	Huỳnh Ngọc Thoại	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Lễ phép, chăm chỉ, học tốt.
38	Ngô Anh Thư	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Hòa đồng, chăm ngoan, học tốt.
39	Phan Văn Toàn	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Lễ phép, chăm chỉ, học tốt.
40	Dương Thị Thu Trang	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Hòa đồng, chăm ngoan, học tốt.
41	Bùi Thị Kim Tuyền	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Hòa đồng, chăm ngoan, học tốt.
42	Bùi Thị Thảo Vi	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Lễ phép, chăm chỉ, học tốt.
43	Trương Huỳnh Quang Vinh	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Lễ phép, chăm chỉ, học tốt.
44	Phan Hà Xuân Yến	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Hòa đồng, chăm ngoan, học tốt.

Giáo viên môn học

(Ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Thanh Quân

HĐTrN-HN
HỌC KỲ I

(dùng cho môn học đánh giá bằng nhân xét)

STT	Họ và tên	Mức đánh giá Đạt(Đ), Chưa đạt(CĐ)								Ghi Chú
		Thường Xuyên					Giữa kỳ	Cuối kỳ	Học kỳ	
1	Nguyễn Phạm Đình An	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Tích cực trong giờ học!
2	Nguyễn Thị Kim Anh	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm, ngoan, tích cực trong giờ học!
3	Dương Tuấn Anh	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Tích cực trong giờ học!
4	Trần Huỳnh Văn Anh	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Tích cực trong giờ học!
5	Lê Quốc Cường	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Tích cực trong giờ học!
6	Nguyễn Thành Đại	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm, ngoan, tích cực trong giờ học!
7	Phạm Minh Đạt	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Tích cực trong giờ học!
8	Nguyễn Trường Giang	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Tích cực trong giờ học!
9	Vương Ngọc Gia Hân	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Tích cực trong giờ học!
10	Cao Nguyễn Gia Hân	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Tích cực trong giờ học!
11	Nguyễn Huỳnh Ngọc Hân	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm, ngoan, tích cực trong giờ học!
12	Lê Trọng Hiếu	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm, ngoan, tích cực trong giờ học!
13	Nguyễn Văn Hiếu	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Tích cực trong giờ học!
14	Nguyễn Ngọc Minh Huy	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Tích cực trong giờ học!
15	Nguyễn Kelly	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Tích cực trong giờ học!
16	Đỗ Hữu Khang	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm, ngoan, tích cực trong giờ học!
17	Phạm Hữu Khánh	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Tích cực trong giờ học!
18	Nguyễn Trung Kiên	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Tích cực trong giờ học!
19	Dương Minh Kiệt	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Tích cực trong giờ học!
20	Nguyễn Ngọc Lâm	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Tích cực trong giờ học!
21	Lê Ngọc Liễu	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Tích cực trong giờ học!
22	Huỳnh Thị Yến Linh	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Tích cực trong giờ học!
23	Trần Quang Lộc	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm, ngoan, tích cực trong giờ học!
24	Nguyễn Thị Phụng Nghi	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Tích cực trong giờ học!
25	Nguyễn Bảo Ngọc	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm, ngoan, tích cực trong giờ học!
26	Dương Trọng Nhân	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Tích cực trong giờ học!
27	Đỗ Nhựt Ninh	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Tích cực trong giờ học!
28	Nguyễn Thiên Phúc	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Tích cực trong giờ học!
29	Vô Ngô Mỹ Quyên	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Tích cực trong giờ học!
30	Vô Dương Tổ Quyên	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Tích cực trong giờ học!
31	Trần Phúc Phương Quỳnh	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Tích cực trong giờ học!
32	Nguyễn Thanh Thanh	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm, ngoan, tích cực trong giờ học!
33	Phan Thanh Thảo	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Tích cực trong giờ học!
34	Nguyễn Thị Thanh Thảo	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Tích cực trong giờ học!
35	Nguyễn Chí Thiện	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Tích cực trong giờ học!
36	Dương Đức Thịnh	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Tích cực trong giờ học!
37	Huỳnh Ngọc Thoại	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Tích cực trong giờ học!
38	Ngô Anh Thư	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm, ngoan, tích cực trong giờ học!
39	Phan Văn Toàn	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Tích cực trong giờ học!
40	Dương Thị Thu Trang	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Tích cực trong giờ học!
41	Bùi Thị Kim Tuyền	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Tích cực trong giờ học!
42	Bùi Thị Thảo Vi	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Tích cực trong giờ học!
43	Trương Huỳnh Quang Vinh	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Tích cực trong giờ học!
44	Phan Hà Xuân Yến	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Tích cực trong giờ học!

Giáo viên môn học
(Ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Bùi Yến Khanh

TỔNG HỢP HỌC KỲ I

Số T T	Họ và tên	Môn học đánh giá bằng nhận xét			Môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số										Kết quả học tập	Kết quả rèn luyện
		Giáo dục thể chất	Giáo dục địa phương	HDTrN- HN	Toán	Vật lý	Hóa học	Sinh học	Tin học	Ngữ văn	Lịch sử	Ngoại ngữ 1	Giáo Dục Quốc Phòng			
1	Nguyễn Phạm Định An	Đ	Đ	Đ	7,6	8,8	8,8	7,9	7,5	7,6	8,1	6,0	8,0	K	T	
2	Nguyễn Thị Kim Anh	Đ	Đ	Đ	8,3	9,3	8,3	8,0	8,6	8,4	8,4	6,9	8,6	T	T	
3	Dương Tuấn Anh	Đ	Đ	Đ	7,3	8,6	8,6	8,3	7,0	6,6	7,0	6,4	8,1	K	T	
4	Trần Huỳnh Văn Anh	Đ	Đ	Đ	8,0	8,8	7,7	8,6	8,8	9,0	8,9	7,2	8,6	T	T	
5	Lê Quốc Cường	Đ	Đ	Đ	8,2	9,1	7,6	8,4	8,0	8,2	8,1	6,6	9,1	T	T	
6	Nguyễn Thành Đại	Đ	Đ	Đ	8,1	8,9	8,5	7,8	8,1	8,9	8,6	6,1	8,4	K	T	
7	Phạm Minh Đạt	Đ	Đ	Đ	8,2	8,7	8,9	8,6	8,1	7,9	7,6	7,0	8,6	T	T	
8	Nguyễn Trường Giang	Đ	Đ	Đ	8,1	9,1	8,0	8,3	7,7	8,2	8,1	7,6	8,5	T	T	
9	Vương Ngọc Gia Hân	Đ	Đ	Đ	8,3	8,6	7,8	8,0	8,0	7,8	9,0	7,3	8,7	T	T	
10	Cao Nguyễn Gia Hân	Đ	Đ	Đ	7,9	8,9	8,9	8,2	8,0	8,7	8,9	7,3	8,3	T	T	
11	Nguyễn Huỳnh Ngọc Hân	Đ	Đ	Đ	8,3	9,3	9,4	9,2	8,8	8,7	8,1	8,5	8,8	T	T	
12	Lê Trọng Hiếu	Đ	Đ	Đ	9,2	9,1	7,4	7,1	6,9	8,1	8,4	6,0	8,0	K	T	
13	Nguyễn Văn Hiếu	Đ	Đ	Đ	9,8	8,9	9,7	7,9	7,9	8,2	7,6	5,4	7,4	K	T	
14	Nguyễn Ngọc Minh Huy	Đ	Đ	Đ	7,7	8,9	9,2	8,6	7,9	6,9	8,4	7,6	7,7	K	T	
15	Nguyễn Kelly	Đ	Đ	Đ	7,3	9,0	8,6	8,5	8,4	8,1	8,5	8,3	7,4	T	T	
16	Đỗ Hữu Khang	Đ	Đ	Đ	7,5	9,1	7,7	8,0	7,7	8,4	8,1	8,0	8,7	T	T	
17	Phạm Hữu Khánh	Đ	Đ	Đ	7,8	8,5	8,6	8,4	7,7	7,4	7,1	5,5	8,6	K	T	
18	Nguyễn Trung Kiên	Đ	Đ	Đ	8,7	8,9	9,6	8,4	8,1	7,8	8,5	6,6	8,1	T	T	
19	Dương Minh Kiệt	Đ	Đ	Đ	7,6	8,5	8,1	7,6	8,0	8,4	9,0	6,5	8,4	T	T	
20	Nguyễn Ngọc Lâm	Đ	Đ	Đ	7,3	8,5	9,2	8,1	7,0	7,1	7,1	5,8	7,8	K	T	
21	Lê Ngọc Liễu	Đ	Đ	Đ	8,9	9,1	7,8	8,1	7,8	7,9	7,9	7,9	8,2	K	T	
22	Huỳnh Thị Yến Linh	Đ	Đ	Đ	8,3	8,9	10,0	8,7	8,6	8,8	8,1	7,5	8,7	T	T	
23	Trần Quang Lộc	Đ	Đ	Đ	9,7	9,6	9,8	7,9	8,6	8,5	7,6	7,2	8,6	T	T	
24	Nguyễn Thị Phụng Nghi	Đ	Đ	Đ	8,4	9,1	9,2	8,7	8,1	7,9	8,4	6,5	8,9	T	T	
25	Nguyễn Bảo Ngọc	Đ	Đ	Đ	7,3	8,8	7,8	8,8	8,3	8,3	8,6	8,0	8,2	T	T	
26	Dương Trọng Nhân	Đ	Đ	Đ	7,6	8,5	8,3	7,6	8,3	6,9	8,4	6,2	8,9	K	T	
27	Đỗ Nhựt Ninh	Đ	Đ	Đ	7,3	8,8	8,8	7,7	7,9	7,5	8,3	7,7	8,4	K	T	
28	Nguyễn Thiên Phúc	Đ	Đ	Đ	7,3	9,2	7,3	8,4	8,4	9,1	8,0	8,5	8,7	T	T	
29	Vô Ngô Mỹ Quyên	Đ	Đ	Đ	8,9	8,8	9,5	8,4	8,2	9,2	7,9	6,5	8,9	T	T	
30	Vô Dương Tô Quyên	Đ	Đ	Đ	8,1	8,8	8,8	8,6	8,6	8,2	6,9	7,7	8,3	T	T	
31	Trần Phúc Phương Quỳnh	Đ	Đ	Đ	9,1	8,9	9,7	8,6	8,0	8,8	7,3	8,4	8,8	T	T	
32	Nguyễn Thanh Thanh	Đ	Đ	Đ	8,8	9,4	9,2	9,0	8,7	8,3	8,5	8,7	9,3	T	T	
33	Phan Thanh Thảo	Đ	Đ	Đ	8,0	9,1	8,5	8,8	8,4	9,1	9,1	8,6	9,3	T	T	
34	Nguyễn Thị Thanh Thảo	Đ	Đ	Đ	8,6	8,9	7,5	7,8	8,5	9,1	8,7	6,1	8,6	K	T	
35	Nguyễn Chí Thiện	Đ	Đ	Đ	9,9	9,6	10,0	9,4	9,0	8,5	8,9	7,9	8,3	T	T	
36	Dương Đức Thịnh	Đ	Đ	Đ	8,3	9,1	9,7	7,3	8,0	7,1	7,1	5,8	9,2	K	T	
37	Huỳnh Ngọc Thoại	Đ	Đ	Đ	8,9	8,5	8,6	9,1	8,5	7,8	8,3	7,4	8,1	T	T	
38	Ngô Anh Thư	Đ	Đ	Đ	8,7	9,1	9,6	8,6	8,1	8,8	8,1	8,3	8,7	T	T	
39	Phan Văn Toàn	Đ	Đ	Đ	7,6	8,8	8,4	7,9	7,0	7,2	7,6	5,8	7,8	K	T	
40	Dương Thị Thu Trang	Đ	Đ	Đ	8,4	9,3	8,9	7,9	8,7	8,7	8,7	7,6	8,6	T	T	
41	Bùi Thị Kim Tuyền	Đ	Đ	Đ	8,6	8,6	9,7	8,4	8,2	7,3	8,2	7,0	8,6	T	T	
42	Bùi Thị Thảo Vi	Đ	Đ	Đ	8,3	9,1	8,9	7,7	9,0	8,4	8,1	7,6	8,7	T	T	
43	Trương Huỳnh Quang Vinh	Đ	Đ	Đ	9,3	8,6	9,6	8,5	7,7	8,6	8,3	6,9	8,6	T	T	
44	Phan Hà Xuân Yến	Đ	Đ	Đ	7,3	8,6	7,8	7,9	7,1	7,6	7,8	6,7	8,6	K	T	

Giáo viên chủ nhiệm

Ký và ghi rõ họ tên

Nguyễn Bùi Yến Khanh

PHẦN GHI ĐIỂM

HỌC KỲ II

HỌC KỲ II

Toán (dùng cho môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số)

STT	Họ và tên	ĐĐGtx					ĐĐGgk	ĐĐGck	ĐTBmhk	ĐTBmcn	Đánh giá lại		Ghi Chú
											ĐTBmhkII	ĐTBmcn	
1	Nguyễn Phạm Đình An	9,0	9,0	9,0	9,0	9,0	8,0	6,0	7,9	7.8			Học khá
2	Nguyễn Thị Kim Anh	9,0	9,0	9,0	10,0	10,0	7,0	8,5	8,7	8.6			Học giỏi, chăm ngoan
3	Dương Tuấn Anh	8,0	8,0	8,0	7,0	8,0	6,5	6,8	7,2	7.2			Học khá
4	Trần Huỳnh Văn Anh	9,0	9,0	9,0	8,0	8,0	7,0	6,8	7,7	7.8			Học khá
5	Lê Quốc Cường	9,0	9,0	10,0	9,0	10,0	6,5	6,3	7,9	8.0			Học khá
6	Nguyễn Thành Đại	9,0	9,0	10,0	10,0	10,0	6,3	6,5	8,0	8.0			Học giỏi, chăm ngoan
7	Phạm Minh Đạt	8,0	9,0	9,0	9,0	9,0	7,3	6,8	7,9	8.0			Học khá
8	Nguyễn Trường Giang	10,0	10,0	10,0	10,0	10,0	9,0	8,0	9,2	8.8			Học giỏi, chăm ngoan
9	Vương Ngọc Gia Hân	9,0	10,0	10,0	10,0	9,0	5,0	7,8	8,1	8.2			Học giỏi, chăm ngoan
10	Cao Nguyễn Gia Hân	9,0	10,0	10,0	9,0	10,0	7,0	6,3	8,1	8.0			Học giỏi, chăm ngoan
11	Nguyễn Huỳnh Ngọc Hân	9,0	10,0	10,0	9,0	10,0	7,0	8,8	8,8	8.6			Học giỏi, chăm ngoan
12	Lê Trọng Hiếu	10,0	10,0	10,0	10,0	10,0	8,5	7,5	9,0	9.1			Học giỏi, chăm ngoan, ý thức học tập tốt
13	Nguyễn Văn Hiếu	10,0	10,0	10,0	10,0	9,0	9,8	10,0	9,9	9.9			Học giỏi, chăm ngoan, tích cực trong học tập
14	Nguyễn Ngọc Minh Huy	8,0	9,0	9,0	9,0	10,0	9,3	9,0	9,1	8.6			Học giỏi, chăm ngoan
15	Nguyễn Kelly	8,0	7,0	9,0	9,0	8,0	8,5	6,8	7,8	7.6			Học khá
16	Đỗ Hữu Khang	9,0	8,0	10,0	9,0	9,0	7,0	6,3	7,8	7.7			Học khá
17	Phạm Hữu Khánh	8,0	8,0	8,0	8,0	9,0	5,8	8,5	7,8	7.8			Học khá
18	Nguyễn Trung Kiên	9,0	8,0	9,0	10,0	9,0	6,0	9,5	8,6	8.6			Học giỏi, chăm ngoan
19	Dương Minh Kiệt	9,0	9,0	9,0	9,0	8,0	6,5	7,3	7,9	7.8			Học khá
20	Nguyễn Ngọc Lâm	8,0	8,0	8,0	9,0	7,0	5,0	7,3	7,2	7.2			Học khá
21	Lê Ngọc Liễu	10,0	10,0	10,0	10,0	10,0	8,3	8,3	9,2	9.1			Học giỏi, chăm ngoan
22	Huỳnh Thị Yến Linh	9,0	10,0	9,0	10,0	10,0	6,0	9,5	8,9	8.7			Học giỏi, chăm ngoan
23	Trần Quang Lộc	10,0	10,0	10,0	10,0	10,0	9,8	9,0	9,7	9.7			Học giỏi, chăm ngoan, ý thức học tập tốt
24	Nguyễn Thị Phụng Nghi	10,0	9,0	10,0	9,0	10,0	8,8	8,0	9,0	8.8			Học giỏi, chăm ngoan
25	Nguyễn Bảo Ngọc	8,0	9,0	9,0	9,0	9,0	8,8	8,3	8,7	8.2			Học giỏi, chăm ngoan
26	Dương Trọng Nhân	9,0	10,0	9,0	9,0	9,0	7,8	5,5	7,8	7.7			Học khá
27	Đỗ Nhật Ninh	9,0	9,0	10,0	9,0	9,0	8,0	5,5	7,9	7.7			Học khá
28	Nguyễn Thiên Phúc	8,0	9,0	9,0	10,0	10,0	8,3	7,8	8,6	8.2			Học giỏi, chăm ngoan
29	Võ Ngô Mỹ Quyền	9,0	9,0	9,0	9,0	9,0	6,3	8,0	8,2	8.4			Học giỏi, chăm ngoan
30	Võ Dương Tổ Quyền	9,0	10,0	9,0	10,0	10,0	8,8	6,0	8,4	8.3			Học giỏi, chăm ngoan
31	Trần Phúc Phương Quỳnh	10,0	9,0	9,0	10,0	10,0	7,5	7,8	8,6	8.8			Học giỏi, chăm ngoan
32	Nguyễn Thanh Thanh	10,0	10,0	10,0	10,0	10,0	7,8	9,5	9,4	9.2			Học giỏi, chăm ngoan
33	Phan Thanh Thảo	8,0	9,0	9,0	9,0	9,0	6,8	8,0	8,2	8.1			Học giỏi, chăm ngoan
34	Nguyễn Thị Thanh Thảo	10,0	10,0	9,0	10,0	10,0	5,8	7,8	8,4	8.5			Học giỏi, chăm ngoan
35	Nguyễn Chí Thiện	10,0	10,0	10,0	10,0	10,0	9,8	8,5	9,5	9.6			Học giỏi, chăm ngoan, ý thức học tập tốt
36	Dương Đức Thịnh	9,0	9,0	9,0	10,0	9,0	6,8	6,0	7,8	8.0			Học khá
37	Huỳnh Ngọc Thoại	9,0	10,0	10,0	10,0	10,0	10,0	9,0	9,6	9.4			Học giỏi, chăm ngoan
38	Ngô Anh Thư	10,0	10,0	10,0	10,0	10,0	7,5	8,0	8,9	8.8			Học giỏi, chăm ngoan
39	Phan Văn Toàn	8,0	9,0	9,0	9,0	9,0	9,3	8,0	8,7	8.3			Học giỏi, chăm ngoan
40	Dương Thị Thu Trang	9,0	9,0	9,0	10,0	9,0	6,3	6,3	7,8	8.0			Học khá
41	Bùi Thị Kim Tuyền	9,0	9,0	9,0	9,0	9,0	6,8	7,0	8,0	8.2			Học giỏi, chăm ngoan
42	Bùi Thị Thảo Vi	9,0	10,0	9,0	9,0	9,0	6,0	7,0	7,9	8.0			Học khá
43	Trương Huỳnh Quang Vinh	10,0	9,0	10,0	10,0	10,0	7,3	7,8	8,7	8.9			Học giỏi, chăm ngoan
44	Phan Hà Xuân Yến	9,0	9,0	9,0	9,0	10,0	7,5	5,3	7,7	7.6			Học khá

Giáo viên môn học
(Ký và ghi rõ họ tên)

Huỳnh Thanh Nhân

HỌC KỲ II														
Vật lý		(dùng cho môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số)												
STT	Họ và tên	ĐĐGtx						ĐĐGgk	ĐĐGck	ĐTBmhk	ĐTBmcn	Đánh giá lại		Ghi Chú
												ĐTBmhkII	ĐTBmcn	
1	Nguyễn Phạm Đình An	8,0	8,0	8,0	9,0			6,8	9,8	8,4	8.5			Tích cực trong giờ học!
2	Nguyễn Thị Kim Anh	8,0	10,0	9,0	9,0			6,5	8,1	8,1	8.5			Tích cực trong giờ học!
3	Dương Tuấn Anh	8,0	8,0	8,0	9,0			7,0	9,7	8,5	8.5			Tích cực trong giờ học!
4	Trần Huỳnh Văn Anh	8,0	7,0	8,0	9,0			8,5	9,5	8,6	8.7			Tích cực trong giờ học!
5	Lê Quốc Cường	9,0	8,0	8,0	9,0			7,5	9,5	8,6	8.8			Tích cực trong giờ học!
6	Nguyễn Thành Đại	9,0	7,0	8,0	9,0			8,0	10,0	8,8	8.8			Tích cực trong giờ học!
7	Phạm Minh Đạt	8,0	9,0	8,0	9,0			7,4	9,0	8,4	8.5			Tích cực trong giờ học!
8	Nguyễn Trường Giang	9,0	8,0	8,0	9,0			7,8	9,5	8,7	8.8			Tích cực trong giờ học!
9	Vương Ngọc Gia Hân	8,0	9,0	9,0	9,0			7,8	8,5	8,5	8.5			Tích cực trong giờ học!
10	Cao Nguyễn Gia Hân	8,0	8,0	8,0	9,0			9,0	8,5	8,5	8.6			Tích cực trong giờ học!
11	Nguyễn Huỳnh Ngọc Hân	9,0	8,0	9,0	10,0			9,0	8,5	8,8	9.0			Chăm, ngoan, tích cực trong giờ học!
12	Lê Trọng Hiếu	9,0	8,0	8,0	10,0			6,8	9,0	8,4	8.6			Tích cực trong giờ học!
13	Nguyễn Văn Hiếu	8,0	8,0	9,0	9,0			9,3	9,7	9,1	9.0			Tích cực trong giờ học!
14	Nguyễn Ngọc Minh Huy	9,0	8,0	8,0	9,0			8,4	9,3	8,7	8.8			Tích cực trong giờ học!
15	Nguyễn Kelly	8,0	8,0	8,0	9,0			7,8	9,1	8,4	8.6			Tích cực trong giờ học!
16	Đỗ Hữu Khang	9,0	8,0	9,0	9,0			7,6	9,5	8,7	8.8			Chăm, ngoan, tích cực trong giờ học!
17	Phạm Hữu Khánh	8,0	9,0	9,0	9,0			8,0	8,5	8,5	8.5			Tích cực trong giờ học!
18	Nguyễn Trung Kiên	8,0	9,0	9,0	9,0			7,6	8,3	8,3	8.5			Tích cực trong giờ học!
19	Dương Minh Kiệt	8,0	9,0	8,0	9,0			8,0	8,8	8,5	8.5			Tích cực trong giờ học!
20	Nguyễn Ngọc Lâm	8,0	9,0	8,0	8,0			8,8	8,0	8,3	8.4			Tích cực trong giờ học!
21	Lê Ngọc Liễu	9,0	8,0	9,0	9,0			8,5	8,3	8,5	8.7			Tích cực trong giờ học!
22	Huỳnh Thị Yến Linh	9,0	8,0	8,0	9,0			7,7	10,0	8,8	8.8			Tích cực trong giờ học!
23	Trần Quang Lộc	10,0	8,0	8,0	10,0			9,8	10,0	9,5	9.5			Chăm, ngoan, tích cực trong giờ học!
24	Nguyễn Thị Phụng Nghi	9,0	8,0	8,0	9,0			9,4	9,1	8,9	9.0			Chăm, ngoan, tích cực trong giờ học!
25	Nguyễn Bảo Ngọc	9,0	8,0	9,0	8,0			9,0	10,0	9,1	9.0			Chăm, ngoan, tích cực trong giờ học!
26	Dương Trọng Nhân	9,0	8,0	8,0	9,0			7,4	9,3	8,5	8.5			Tích cực trong giờ học!
27	Đỗ Nhật Ninh	9,0	8,0	8,0	10,0			8,1	8,3	8,5	8.6			Tích cực trong giờ học!
28	Nguyễn Thiên Phúc	9,0	8,0	8,0	9,0			7,8	8,5	8,3	8.6			Tích cực trong giờ học!
29	Võ Ngô Mỹ Quyền	9,0	8,0	8,0	9,0			7,8	8,3	8,3	8.5			Tích cực trong giờ học!
30	Võ Dương Tổ Quyền	9,0	8,0	8,0	8,0			7,0	9,4	8,4	8.5			Tích cực trong giờ học!
31	Trần Phúc Phương Quỳnh	9,0	8,0	8,0	9,0			9,7	9,4	9,1	9.0			Chăm, ngoan, tích cực trong giờ học!
32	Nguyễn Thanh Thanh	9,0	8,0	9,0	9,0			8,0	9,3	8,8	9.0			Chăm, ngoan, tích cực trong giờ học!
33	Phan Thanh Thảo	9,0	8,0	8,0	9,0			7,3	8,5	8,2	8.5			Tích cực trong giờ học!
34	Nguyễn Thị Thanh Thảo	9,0	8,0	8,0	9,0			8,0	8,3	8,3	8.5			Tích cực trong giờ học!
35	Nguyễn Chí Thiện	10,0	8,0	9,0	9,0			9,5	10,0	9,4	9.5			Chăm, ngoan, tích cực trong giờ học!
36	Dương Đức Thịnh	9,0	8,0	9,0	9,0			7,4	9,3	8,6	8.8			Tích cực trong giờ học!
37	Huỳnh Ngọc Thoại	9,0	8,0	8,0	9,0			7,3	9,3	8,5	8.5			Tích cực trong giờ học!
38	Ngô Anh Thư	9,0	8,0	9,0	9,0			8,8	9,8	9,1	9.1			Chăm, ngoan, tích cực trong giờ học!
39	Phan Văn Toàn	9,0	8,0	8,0	9,0			9,8	9,5	9,1	9.0			Chăm, ngoan, tích cực trong giờ học!
40	Dương Thị Thu Trang	9,0	8,0	8,0	9,0			7,8	8,5	8,3	8.6			Tích cực trong giờ học!
41	Bùi Thị Kim Tuyền	9,0	8,0	8,0	9,0			8,5	8,3	8,4	8.5			Tích cực trong giờ học!
42	Bùi Thị Thảo Vi	9,0	8,0	8,0	9,0			8,0	8,3	8,3	8.6			Tích cực trong giờ học!
43	Trương Huỳnh Quang Vinh	9,0	8,0	8,0	9,0			8,5	9,5	8,8	8.7			Tích cực trong giờ học!
44	Phan Hà Xuân Yến	8,0	9,0	10,0	9,0			7,8	8,1	8,4	8.5			Tích cực trong giờ học!

Giáo viên môn học
(Ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Bùi Yến Khanh

Học kỳ II

Hóa học															(dùng cho môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số)														
STT	Họ và tên	ĐDGTx						ĐDGGk	ĐDGGck	ĐTBm hk	ĐTBm cn	Đánh giá lại		Ghi Chú															
												ĐTBm hkII	ĐTBm cn																
1	Nguyễn Phạm Đình An	8,0	9,0	8,5	8,5			7,0	10,0	8,7	8.7			Học tốt, cần phát huy.															
2	Nguyễn Thị Kim Anh	8,0	8,5	8,5	8,5			7,5	8,8	8,3	8.3			Học tốt, cần phát huy.															
3	Dương Tuấn Anh	8,0	8,0	8,5	8,5			8,5	8,5	8,4	8.5			Học tốt, cần phát huy.															
4	Trần Huỳnh Văn Anh	7,0	8,0	8,0	8,0			8,5	6,8	7,6	7.6			Học khá, cố gắng thêm.															
5	Lê Quốc Cường	7,0	8,0	8,0	8,0			7,3	7,3	7,5	7.5			Học khá, cố gắng thêm.															
6	Nguyễn Thành Đại	8,0	8,0	8,0	8,5			7,3	8,5	8,1	8.2			Học tốt, cần phát huy.															
7	Phạm Minh Đạt	8,0	8,0	8,0	8,5			8,0	8,0	8,1	8.4			Học tốt, cần phát huy.															
8	Nguyễn Trường Giang	9,0	9,0	9,0	9,0			8,8	9,3	9,1	8.7			Học giỏi, ý thức học tập tốt.															
9	Vương Ngọc Gia Hân	7,0	8,0	8,0	8,0			9,0	6,8	7,7	7.7			Học khá, cố gắng thêm.															
10	Cao Nguyễn Gia Hân	8,0	9,0	9,0	9,0			7,8	9,3	8,7	8.8			Học tốt, cần phát huy.															
11	Nguyễn Huỳnh Ngọc Hân	9,0	9,0	9,5	9,5			10,0	8,8	9,3	9.3			Học giỏi, ý thức học tập tốt.															
12	Lê Trọng Hiếu	8,0	9,0	8,5	8,0			8,5	8,3	8,4	8.1			Học tốt, cần phát huy.															
13	Nguyễn Văn Hiếu	9,0	9,0	9,0	9,5			8,0	9,5	9,0	9.2			Học giỏi, ý thức học tập tốt.															
14	Nguyễn Ngọc Minh Huy	9,0	9,0	9,0	9,5			8,8	9,5	9,2	9.2			Học giỏi, ý thức học tập tốt.															
15	Nguyễn Kelly	7,0	8,0	7,5	8,0			7,8	7,3	7,6	7.9			Học khá, cố gắng thêm.															
16	Đỗ Hữu Khang	8,0	9,0	8,5	8,5			7,8	9,3	8,6	8.3			Học tốt, cần phát huy.															
17	Phạm Hữu Khánh	7,0	7,0	7,0	7,5			8,8	5,3	6,9	7.5			Học được, cần cố gắng nhiều hơn.															
18	Nguyễn Trung Kiên	8,0	9,0	8,5	9,0			9,0	8,3	8,6	8.9			Học tốt, cần phát huy.															
19	Dương Minh Kiệt	7,0	8,0	7,5	8,0			7,0	7,8	7,5	7.7			Học khá, cố gắng thêm.															
20	Nguyễn Ngọc Lâm	8,0	9,0	9,0	9,0			8,0	9,8	8,9	9.0			Học tốt, cần phát huy.															
21	Lê Ngọc Liễu	8,0	8,0	8,0	8,0			8,5	7,8	8,0	7.9			Học tốt, cần phát huy.															
22	Huỳnh Thị Yến Linh	8,0	9,0	8,5	9,0			7,5	9,3	8,6	9.1			Học tốt, cần phát huy.															
23	Trần Quang Lộc	9,0	10,0	9,5	9,5			9,5	9,5	9,5	9.6			Học giỏi, ý thức học tập tốt.															
24	Nguyễn Thị Phụng Nghi	9,0	9,0	9,0	9,0			9,3	9,0	9,1	9.1			Học giỏi, ý thức học tập tốt.															
25	Nguyễn Bảo Ngọc	8,0	8,0	8,0	8,0			7,0	8,5	7,9	7.9			Học khá, cố gắng thêm.															
26	Dương Trọng Nhân	7,0	8,0	7,5	8,0			8,3	6,8	7,5	7.8			Học khá, cố gắng thêm.															
27	Đỗ Nhật Ninh	7,0	7,0	7,5	8,0			8,0	6,5	7,2	7.7			Học khá, cố gắng thêm.															
28	Nguyễn Thiên Phúc	8,0	8,0	8,0	8,0			6,3	9,0	8,0	7.8			Học tốt, cần phát huy.															
29	Võ Ngô Mỹ Quyền	9,0	9,0	9,5	9,5			9,0	9,5	9,3	9.4			Học giỏi, ý thức học tập tốt.															
30	Võ Dương Tổ Quyền	8,0	8,0	8,5	8,5			8,3	7,8	8,1	8.3			Học tốt, cần phát huy.															
31	Trần Phúc Phương Quỳnh	10,0	9,0	9,5	9,5			8,8	10,0	9,5	9.6			Học giỏi, ý thức học tập tốt.															
32	Nguyễn Thanh Thanh	9,5	9,5	9,0	9,0			8,8	8,5	8,9	9.0			Học tốt, cần phát huy.															
33	Phan Thanh Thảo	9,0	9,0	9,0	9,0			8,3	9,3	8,9	8.8			Học tốt, cần phát huy.															
34	Nguyễn Thị Thanh Thảo	8,0	9,0	9,0	8,5			8,5	9,0	8,7	8.3			Học tốt, cần phát huy.															
35	Nguyễn Chí Thiện	9,0	10,0	9,5	10,0			9,0	10,0	9,6	9.7			Học giỏi, ý thức học tập tốt.															
36	Dương Đức Thịnh	9,0	9,0	9,0	9,5			10,0	8,3	9,0	9.2			Học giỏi, ý thức học tập tốt.															
37	Huỳnh Ngọc Thoại	9,0	9,0	9,5	9,0			9,3	9,8	9,4	9.1			Học giỏi, ý thức học tập tốt.															
38	Ngô Anh Thư	9,0	9,0	9,5	9,5			8,8	9,8	9,3	9.4			Học giỏi, ý thức học tập tốt.															
39	Phan Văn Toàn	9,0	9,0	9,5	9,0			9,3	9,5	9,3	9.0			Học giỏi, ý thức học tập tốt.															
40	Dương Thị Thu Trang	9,0	9,0	9,0	9,0			8,5	9,3	9,0	9.0			Học giỏi, ý thức học tập tốt.															
41	Bùi Thị Kim Tuyền	7,0	8,0	7,5	8,5			7,5	7,3	7,5	8.2			Học khá, cố gắng thêm.															
42	Bùi Thị Thảo Vi	8,0	9,0	8,5	8,5			8,0	8,8	8,5	8.6			Học tốt, cần phát huy.															
43	Trương Huỳnh Quang Vinh	9,0	8,0	9,0	9,0			7,8	9,5	8,8	9.1			Học tốt, cần phát huy.															
44	Phan Hà Xuân Yến	8,0	9,0	8,5	8,5			8,5	8,5	8,5	8.3			Học tốt, cần phát huy.															

Giáo viên môn học
 (Ký và ghi rõ họ tên)

Trần Lê Tấn Đức

Sinh học HỌC KỲ II (dùng cho môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số)													
STT	Họ và tên	ĐDGTx					ĐDGGk	ĐDGGck	ĐTBmhk	ĐTBmcn	Đánh giá lại		Ghi Chú
											ĐTBmhkII	ĐTBmcn	
1	Nguyễn Phạm Đình An	8,0	9,0	9,0			8,3	8,3	8,4	8.2			Chăm ngoan, học tốt.
2	Nguyễn Thị Kim Anh	10,0	10,0	10,0			8,3	8,5	9,0	8.7			Chăm ngoan, học tốt, có ý thức trong học tập.
3	Dương Tuấn Anh	8,0	10,0	8,0			7,8	9,3	8,7	8.6			Chăm ngoan, học tốt.
4	Trần Huỳnh Văn Anh	10,0	10,0	10,0			8,3	8,5	9,0	8.9			Chăm ngoan, học tốt, có ý thức trong học tập.
5	Lê Quốc Cường	8,0	9,0	9,0			7,8	8,3	8,3	8.3			Chăm ngoan, học tốt.
6	Nguyễn Thành Đại	9,0	9,0	9,0			8,5	8,5	8,7	8.4			Chăm ngoan, học tốt.
7	Phạm Minh Đạt	8,0	8,0	10,0			8,0	8,5	8,4	8.5			Chăm ngoan, học tốt.
8	Nguyễn Trường Giang	8,0	10,0	10,0			9,8	9,3	9,4	9.0			Chăm ngoan, học tốt, có ý thức trong học tập.
9	Vương Ngọc Gia Hân	8,0	10,0	10,0			7,8	8,5	8,6	8.4			Chăm ngoan, học tốt.
10	Cao Nguyễn Gia Hân	9,0	9,0	10,0			8,8	8,3	8,8	8.6			Chăm ngoan, học tốt.
11	Nguyễn Huỳnh Ngọc Hân	8,0	10,0	10,0			8,8	9,0	9,1	9.1			Chăm ngoan, học tốt, có ý thức trong học tập.
12	Lê Trọng Hiếu	8,0	8,0	9,0			9,0	9,0	8,8	8.2			Chăm ngoan, học tốt.
13	Nguyễn Văn Hiếu	8,0	9,0	9,0			7,8	9,0	8,6	8.4			Chăm ngoan, học tốt.
14	Nguyễn Ngọc Minh Huy	8,0	10,0	9,0			7,5	9,0	8,6	8.6			Chăm ngoan, học tốt.
15	Nguyễn Kelly	9,0	9,0	8,0			7,5	9,0	8,5	8.5			Chăm ngoan, học tốt.
16	Đỗ Hữu Khang	9,0	10,0	10,0			7,5	8,0	8,5	8.3			Chăm ngoan, học tốt.
17	Phạm Hữu Khánh	9,0	9,0	9,0			6,5	9,0	8,4	8.4			Chăm ngoan, học tốt.
18	Nguyễn Trung Kiên	8,0	8,0	9,0			8,3	8,3	8,3	8.3			Chăm ngoan, học tốt.
19	Dương Minh Kiệt	9,0	9,0	9,0			6,8	9,3	8,6	8.3			Chăm ngoan, học tốt.
20	Nguyễn Ngọc Lâm	8,0	9,0	7,0			7,3	8,8	8,1	8.1			Có tiền bộ.
21	Lê Ngọc Liễu	9,0	9,0	9,0			8,3	8,3	8,6	8.4			Chăm ngoan, học tốt.
22	Huỳnh Thị Yến Linh	9,0	8,0	8,0			7,5	8,8	8,3	8.4			Chăm ngoan, học tốt.
23	Trần Quang Lộc	8,0	9,0	9,0			8,0	8,8	8,6	8.4			Chăm ngoan, học tốt.
24	Nguyễn Thị Phụng Nghi	8,0	8,0	10,0			8,8	8,3	8,6	8.6			Chăm ngoan, học tốt.
25	Nguyễn Bảo Ngọc	9,0	8,0	10,0			6,3	8,5	8,1	8.3			Chăm ngoan, học tốt.
26	Dương Trọng Nhân	8,0	8,0	10,0			8,5	8,5	8,6	8.3			Chăm ngoan, học tốt.
27	Đỗ Nhật Ninh	8,0	8,0	9,0			8,8	8,8	8,6	8.3			Chăm ngoan, học tốt.
28	Nguyễn Thiên Phúc	8,0	9,0	9,0			6,8	8,8	8,3	8.3			Chăm ngoan, học tốt.
29	Võ Ngô Mỹ Quyền	9,0	10,0	10,0			8,3	8,0	8,7	8.6			Chăm ngoan, học tốt.
30	Võ Dương Tổ Quyền	9,0	8,0	6,0			7,0	9,3	8,1	8.3			Chăm ngoan, học tốt.
31	Trần Phúc Phương Quỳnh	8,0	9,0	10,0			7,0	8,8	8,4	8.5			Chăm ngoan, học tốt.
32	Nguyễn Thanh Thanh	9,0	8,0	10,0			8,3	8,8	8,8	8.9			Chăm ngoan, học tốt.
33	Phan Thanh Thảo	10,0	9,0	10,0			9,5	9,5	9,6	9.3			Chăm ngoan, học tốt, có ý thức trong học tập.
34	Nguyễn Thị Thanh Thảo	10,0	9,0	10,0			7,5	8,0	8,5	8.3			Chăm ngoan, học tốt.
35	Nguyễn Chí Thiện	10,0	10,0	10,0			8,3	9,0	9,2	9.3			Chăm ngoan, học tốt, có ý thức trong học tập.
36	Dương Đức Thịnh	8,0	9,0	10,0			7,8	8,8	8,6	8.2			Chăm ngoan, học tốt.
37	Huỳnh Ngọc Thoại	9,0	10,0	10,0			8,5	9,0	9,1	9.1			Chăm ngoan, học tốt, có ý thức trong học tập.
38	Ngô Anh Thư	9,0	9,0	10,0			7,0	8,8	8,6	8.6			Chăm ngoan, học tốt.
39	Phan Văn Toàn	10,0	8,0	8,0			9,0	8,5	8,7	8.4			Chăm ngoan, học tốt.
40	Dương Thị Thu Trang	9,0	10,0	8,0			8,3	8,3	8,6	8.4			Chăm ngoan, học tốt.
41	Bùi Thị Kim Tuyền	8,0	9,0	10,0			8,0	8,3	8,5	8.5			Chăm ngoan, học tốt.
42	Bùi Thị Thảo Vi	8,0	8,0	10,0			9,0	9,3	9,0	8.6			Chăm ngoan, học tốt, có ý thức trong học tập.
43	Trương Huỳnh Quang Vinh	9,0	9,0	8,0			8,3	8,0	8,3	8.4			Chăm ngoan, học tốt.
44	Phan Hà Xuân Yến	9,0	8,0	6,0			8,5	9,3	8,5	8.3			Chăm ngoan, học tốt.

Giáo viên môn học

(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngô Thị Đồng Tràng

Tin học HỌC KỲ II (dùng cho môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số)													
STT	Họ và tên	ĐĐGtx					ĐĐGgk	ĐĐGck	ĐTBmhk	ĐTBmcn	Đánh giá lại		Ghi Chú
											ĐTBmhkII	ĐTBmcn	
1	Nguyễn Phạm Đình An	8,0	9,0	9,0			9,5	9,8	9,3	8.7			Học tốt
2	Nguyễn Thị Kim Anh	10,0	9,0	10,0			9,0	9,3	9,4	9.1			Học tốt, tích cực
3	Dương Tuấn Anh	7,0	9,0	10,0			8,5	9,5	8,9	8.3			Học tốt
4	Trần Huỳnh Văn Anh	9,0	10,0	9,0			9,0	9,3	9,2	9.1			Học tốt, tích cực
5	Lê Quốc Cường	8,0	10,0	10,0			8,8	9,3	9,2	8.8			Học tốt, tích cực
6	Nguyễn Thành Đại	9,0	10,0	10,0			8,5	9,3	9,2	8.8			Học tốt, tích cực
7	Phạm Minh Đạt	8,0	10,0	10,0			9,3	9,3	9,3	8.9			Học tốt, tích cực
8	Nguyễn Trường Giang	10,0	9,0	10,0			9,3	9,3	9,4	8.8			Học tốt, tích cực
9	Vương Ngọc Gia Hân	10,0	10,0	10,0			8,5	9,3	9,4	8.9			Học tốt, tích cực
10	Cao Nguyễn Gia Hân	10,0	10,0	9,0			9,5	9,3	9,5	9.0			Học tốt, tích cực
11	Nguyễn Huỳnh Ngọc Hân	10,0	9,0	10,0			9,3	9,5	9,5	9.3			Học tốt, tích cực
12	Lê Trọng Hiếu	10,0	9,0	10,0			7,8	9,0	9,0	8.3			Học tốt, tích cực
13	Nguyễn Văn Hiếu	9,0	10,0	9,0			9,5	9,8	9,6	9.0			Học tốt, tích cực
14	Nguyễn Ngọc Minh Huy	7,0	10,0	9,0			8,5	9,3	8,9	8.6			Học tốt
15	Nguyễn Kelly	7,0	9,0	10,0			8,8	9,5	9,0	8.8			Học tốt
16	Đỗ Hữu Khang	9,0	9,0	10,0			8,8	9,3	9,2	8.7			Học tốt, tích cực
17	Phạm Hữu Khánh	9,0	10,0	9,0			9,3	9,5	9,4	8.8			Học tốt, tích cực
18	Nguyễn Trung Kiên	7,0	10,0	9,0			8,8	9,5	9,0	8.7			Học tốt
19	Dương Minh Kiệt	9,0	9,0	10,0			9,0	9,3	9,2	8.8			Học tốt, tích cực
20	Nguyễn Ngọc Lâm	7,0	9,0	10,0			9,0	9,3	9,0	8.3			Học tốt
21	Lê Ngọc Liễu	8,0	9,0	10,0			9,3	9,3	9,2	8.7			Học tốt, tích cực
22	Huỳnh Thị Yến Linh	10,0	9,0	9,0			9,8	9,5	9,5	9.2			Học tốt, tích cực
23	Trần Quang Lộc	9,0	10,0	10,0			9,5	9,5	9,6	9.3			Học tốt, tích cực
24	Nguyễn Thị Phụng Nghi	10,0	9,0	10,0			9,3	9,3	9,4	9.0			Học tốt
25	Nguyễn Bảo Ngọc	9,0	10,0	10,0			9,0	9,3	9,4	9.0			Học tốt
26	Dương Trọng Nhân	9,0	10,0	10,0			9,3	9,3	9,4	9.0			Học tốt, tích cực
27	Đỗ Nhật Ninh	10,0	9,0	10,0			8,3	9,5	9,3	8.8			Học tốt, tích cực
28	Nguyễn Thiên Phúc	7,0	10,0	9,0			9,3	9,5	9,1	8.9			Học tốt
29	Võ Ngô Mỹ Quyên	7,0	9,0	10,0			9,0	9,3	9,0	8.7			Học tốt
30	Võ Dương Tổ Quyên	9,0	9,0	10,0			8,3	9,5	9,1	8.9			Học tốt
31	Trần Phúc Phương Quỳnh	10,0	10,0	9,0			7,8	9,5	9,1	8.7			Học tốt
32	Nguyễn Thanh Thanh	10,0	9,0	10,0			8,5	9,5	9,3	9.1			Học tốt, tích cực
33	Phan Thanh Thảo	10,0	9,0	10,0			8,8	9,5	9,4	9.1			Học tốt, tích cực
34	Nguyễn Thị Thanh Thảo	9,0	10,0	9,0			9,3	9,3	9,3	9.0			Học tốt, tích cực
35	Nguyễn Chí Thiện	10,0	9,0	9,0			9,5	9,5	9,4	9.3			Học tốt, tích cực
36	Dương Đức Thịnh	8,0	10,0	10,0			9,0	9,3	9,2	8.8			Học tốt
37	Huỳnh Ngọc Thoại	7,0	9,0	10,0			8,8	9,5	9,0	8.8			Học tốt
38	Ngô Anh Thư	10,0	10,0	10,0			8,3	9,5	9,4	9.0			Học tốt, tích cực
39	Phan Văn Toàn	7,0	9,0	10,0			9,0	9,5	9,1	8.4			Học tốt
40	Dương Thị Thu Trang	10,0	9,0	10,0			9,3	9,3	9,4	9.2			Học tốt, tích cực
41	Bùi Thị Kim Tuyền	8,0	10,0	9,0			8,3	9,5	9,0	8.7			Học tốt
42	Bùi Thị Thảo Vi	10,0	9,0	10,0			8,8	9,5	9,4	9.3			Học tốt, tích cực
43	Trương Huỳnh Quang Vinh	8,0	9,0	10,0			9,5	9,8	9,4	8.8			Học tốt, tích cực
44	Phan Hà Xuân Yến	8,0	10,0	10,0			8,8	9,3	9,2	8.5			Học tốt

Giáo viên môn học

(Ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Thị Huyền Trân

HỌC KỲ II														
Ngữ văn (dùng cho môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số)														
STT	Họ và tên	ĐĐGtx					ĐĐGgk	ĐĐGck	ĐTBmhk	ĐTBmcn	Đánh giá lại		Ghi Chú	
											ĐTBmhkII	ĐTBmcn		
1	Nguyễn Phạm Đình An	8,0	10,0	9,0	9,0		8,0	8,0	8,4	8.1			Giỏi, có nhiều tiến bộ trong học tập	
2	Nguyễn Thị Kim Anh	8,0	9,0	9,0	8,0		10,0	7,5	8,5	8.5			Ngoan, chăm chỉ và rất cố gắng.	
3	Dương Tuấn Anh	10,0	10,0	8,0	9,0		10,0	7,0	8,7	8.0			Rất cố gắng, đáng khen	
4	Trần Huỳnh Văn Anh	10,0	10,0	10,0	10,0		10,0	8,5	9,5	9.3			Ngoan, chăm chỉ, gương mẫu	
5	Lê Quốc Cường	8,0	10,0	8,0	10,0		9,0	8,0	8,7	8.5			Ngoan, chăm chỉ và rất cố gắng.	
6	Nguyễn Thành Đại	9,0	10,0	9,0	10,0		10,0	9,0	9,4	9.2			Ngoan, chăm chỉ, gương mẫu	
7	Phạm Minh Đạt	8,0	10,0	8,0	7,0		10,0	6,5	8,1	8.0			Có nhiều tiến bộ trong học tập	
8	Nguyễn Trường Giang	10,0	10,0	8,0	9,0		10,0	8,5	9,2	8.9			Rất ngoan, cố gắng có hiệu quả.	
9	Vương Ngọc Gia Hân	8,0	10,0	7,0	7,0		10,0	8,0	8,4	8.2			Học giỏi, chăm ngoan	
10	Cao Nguyễn Gia Hân	8,0	10,0	9,0	9,0		10,0	9,0	9,2	9.0			Rất ngoan, cố gắng có hiệu quả.	
11	Nguyễn Huỳnh Ngọc Hân	10,0	10,0	8,0	8,0		10,0	8,5	9,1	9.0			Ngoan, chăm chỉ, gương mẫu	
12	Lê Trọng Hiếu	8,0	9,0	8,0	8,0		9,0	8,0	8,3	8.2			Học giỏi, chăm ngoan	
13	Nguyễn Văn Hiếu	8,0	10,0	8,0	9,0		10,0	8,5	8,9	8.7			Rất cố gắng, đáng khen	
14	Nguyễn Ngọc Minh Huy	8,0	10,0	10,0	8,0		10,0	7,0	8,6	8.0			Rất cố gắng, đáng khen	
15	Nguyễn Kelly	9,0	10,0	9,0	10,0		9,0	8,5	9,1	8.8			Ngoan, chăm chỉ, gương mẫu	
16	Đỗ Hữu Khang	10,0	10,0	9,0	9,0		9,0	8,5	9,1	8.9			Ngoan, chăm chỉ, gương mẫu	
17	Phạm Hữu Khánh	8,0	10,0	8,0	8,0		9,0	7,5	8,3	8.0			Học giỏi, chăm ngoan	
18	Nguyễn Trung Kiên	8,0	10,0	8,0	8,0		8,0	8,0	8,2	8.1			Tinh thần học tập tốt, năng động	
19	Dương Minh Kiệt	10,0	10,0	8,0	8,0		10,0	8,0	8,9	8.7			Chăm chỉ, năng động và sáng tạo	
20	Nguyễn Ngọc Lâm	8,0	10,0	10,0	9,0		9,0	7,0	8,4	8.0			Tinh thần học tập tốt, năng động	
21	Lê Ngọc Liễu	10,0	10,0	10,0	9,0		9,0	9,0	9,3	8.8			Học giỏi, năng động và sáng tạo trong học tập	
22	Huỳnh Thị Yến Linh	10,0	10,0	8,0	7,0		9,0	9,0	8,9	8.9			Rất cố gắng, đáng khen	
23	Trần Quang Lộc	10,0	10,0	9,0	9,0		10,0	8,5	9,3	9.0			Rất ngoan, cố gắng có hiệu quả.	
24	Nguyễn Thị Phụng Nghi	10,0	10,0	9,0	10,0		10,0	8,5	9,4	8.9			Ngoan, chăm chỉ, gương mẫu	
25	Nguyễn Bảo Ngọc	10,0	10,0	10,0	10,0		10,0	8,5	9,5	9.1			Ngoan, chăm chỉ, gương mẫu	
26	Dương Trọng Nhân	8,0	10,0	8,0	9,0		10,0	8,0	8,8	8.2			Ngoan, chăm chỉ và rất cố gắng.	
27	Đỗ Nhật Ninh	8,0	10,0	8,0	7,0		10,0	7,0	8,2	8.0			Học giỏi, chăm ngoan	
28	Nguyễn Thiên Phúc	10,0	10,0	8,0	9,0		9,0	8,0	8,8	8.9			Rất cố gắng, đáng khen	
29	Võ Ngô Mỹ Quyền	8,0	10,0	8,0	8,0		9,0	9,0	8,8	8.9			Rất cố gắng, đáng khen	
30	Võ Dương Tổ Quyền	8,0	10,0	7,0	8,0		8,0	7,5	7,9	8.0			Học khá, có sáng tạo và năng động	
31	Trần Phúc Phương Quỳnh	10,0	10,0	8,0	8,0		9,0	7,5	8,5	8.6			Chăm chỉ, năng động và sáng tạo	
32	Nguyễn Thanh Thanh	10,0	10,0	10,0	10,0		10,0	8,5	9,5	9.1			Học giỏi, năng động và sáng tạo trong học tập	
33	Phan Thanh Thảo	10,0	10,0	10,0	10,0		10,0	9,0	9,7	9.5			Ngoan, chăm chỉ, gương mẫu	
34	Nguyễn Thị Thanh Thảo	10,0	10,0	8,0	9,0		10,0	9,5	9,5	9.4			Rất ngoan, cố gắng có hiệu quả.	
35	Nguyễn Chí Thiện	10,0	10,0	10,0	9,0		10,0	9,0	9,6	9.2			Học giỏi, năng động và sáng tạo trong học tập	
36	Dương Đức Thịnh	8,0	10,0	8,0	9,0		10,0	7,0	8,4	8.0			Học giỏi, chăm ngoan	
37	Huỳnh Ngọc Thoại	10,0	10,0	9,0	6,0		10,0	7,5	8,6	8.3			Chăm chỉ, năng động và sáng tạo	
38	Ngô Anh Thư	10,0	10,0	8,0	10,0		10,0	9,0	9,4	9.2			Học giỏi, năng động và sáng tạo trong học tập	
39	Phan Văn Toàn	8,0	10,0	8,0	9,0		10,0	7,0	8,4	8.0			Có cố gắng trong học tập	
40	Dương Thị Thu Trang	8,0	10,0	8,0	8,0		10,0	8,5	8,8	8.8			Ngoan, chăm chỉ và rất cố gắng.	
41	Bùi Thị Kim Tuyền	8,0	10,0	9,0	9,0		9,0	7,0	8,3	8.0			Giỏi, có nhiều tiến bộ trong học tập	
42	Bùi Thị Thảo Vi	8,0	10,0	10,0	9,0		10,0	7,5	8,8	8.7			Rất cố gắng, đáng khen	
43	Trương Huỳnh Quang Vinh	9,0	9,0	10,0	9,0		10,0	8,5	9,2	9.0			Học giỏi, năng động và sáng tạo trong học tập	
44	Phan Hà Xuân Yến	9,0	10,0	10,0	9,0		9,0	7,0	8,6	8.3			Chăm chỉ, năng động và sáng tạo	

Giáo viên môn học
(Ký và ghi rõ họ tên)

Võ Thị Kiều Trang

HỌC KỲ II

Lịch sử															(dùng cho môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số)														
STT	Họ và tên	ĐĐGtx						ĐĐGgk	ĐĐGck	ĐTBmhk	ĐTBmcn	Đánh giá lại		Ghi Chú															
												ĐTBmhkII	ĐTBmcn																
1	Nguyễn Phạm Đình An	8,0	9,0	9,0				8,5	9,0	8,8	8.6			Chăm, ngoan.															
2	Nguyễn Thị Kim Anh	10,0	9,0	9,0				9,0	8,5	8,9	8.7			Chăm, ngoan.															
3	Dương Tuấn Anh	10,0	10,0	10,0				7,8	8,3	8,8	8.2			Chăm, ngoan.															
4	Trần Huỳnh Văn Anh	9,0	9,0	10,0				9,3	8,8	9,1	9.0			Học giỏi, chăm ngoan.															
5	Lê Quốc Cường	10,0	9,0	9,0				9,0	8,8	9,1	8.8			Học tốt, chăm ngoan.															
6	Nguyễn Thành Đại	10,0	9,0	9,0				9,0	9,3	9,2	9.0			Học tốt, chăm ngoan.															
7	Phạm Minh Đạt	7,0	9,0	9,0				8,3	9,8	8,9	8.5			Chăm, ngoan.															
8	Nguyễn Trường Giang	8,0	8,0	9,0				8,5	9,3	8,7	8.5			Chăm, ngoan.															
9	Vương Ngọc Gia Hân	9,0	9,0	9,0				10,0	9,0	9,3	9.2			Học tốt, chăm ngoan.															
10	Cao Nguyễn Gia Hân	10,0	9,0	9,0				9,5	9,0	9,3	9.2			Học tốt, chăm ngoan.															
11	Nguyễn Huỳnh Ngọc Hân	8,0	9,0	9,0				9,3	9,3	9,1	8.8			Học tốt, chăm ngoan.															
12	Lê Trọng Hiếu	9,0	10,0	9,0				8,8	7,0	8,3	8.3			Chăm, ngoan.															
13	Nguyễn Văn Hiếu	7,0	8,0	8,0				9,5	8,8	8,6	8.3			Chăm, ngoan.															
14	Nguyễn Ngọc Minh Huy	9,0	8,0	8,0				8,3	9,3	8,7	8.6			Chăm, ngoan.															
15	Nguyễn Kelly	9,0	8,0	9,0				9,3	8,0	8,6	8.6			Chăm, ngoan.															
16	Đỗ Hữu Khang	8,0	10,0	10,0				9,0	8,3	8,9	8.6			Chăm, ngoan.															
17	Phạm Hữu Khánh	9,0	9,0	9,0				8,3	8,8	8,8	8.2			Chăm, ngoan.															
18	Nguyễn Trung Kiên	10,0	8,0	7,0				8,8	9,8	9,0	8.8			Học tốt, chăm ngoan.															
19	Dương Minh Kiệt	10,0	9,0	9,0				9,3	9,0	9,2	9.1			Học tốt, chăm ngoan.															
20	Nguyễn Ngọc Lâm	10,0	9,0	9,0				8,3	9,5	9,1	8.4			Học tốt, chăm ngoan.															
21	Lê Ngọc Liễu	7,0	8,0	8,0				8,8	8,5	8,3	8.2			Chăm, ngoan.															
22	Huỳnh Thị Yến Linh	9,0	9,0	10,0				9,0	9,8	9,4	9.0			Học tốt, chăm ngoan.															
23	Trần Quang Lộc	7,0	9,0	9,0				9,3	7,5	8,3	8.1			Chăm, ngoan.															
24	Nguyễn Thị Phụng Nghi	8,0	9,0	9,0				8,5	9,8	9,1	8.9			Học tốt, chăm ngoan.															
25	Nguyễn Bảo Ngọc	9,0	10,0	9,0				9,8	9,3	9,4	9.1			Học tốt, chăm ngoan.															
26	Dương Trọng Nhân	10,0	8,0	9,0				8,3	9,3	8,9	8.7			Chăm, ngoan.															
27	Đỗ Nhật Ninh	9,0	8,0	9,0				9,0	7,0	8,1	8.2			Chăm, ngoan.															
28	Nguyễn Thiên Phúc	10,0	9,0	9,0				8,5	9,5	9,2	8.8			Học tốt, chăm ngoan.															
29	Võ Ngô Mỹ Quyên	10,0	9,0	8,0				8,3	8,8	8,8	8.5			Chăm, ngoan.															
30	Võ Dương Tố Quyên	8,0	9,0	9,0				8,3	8,5	8,5	8.0			Chăm, ngoan.															
31	Trần Phúc Phương Quỳnh	10,0	9,0	9,0				8,0	9,3	9,0	8.4			Học tốt, chăm ngoan.															
32	Nguyễn Thanh Thanh	9,0	9,0	9,0				9,0	9,0	9,0	8.8			Học tốt, chăm ngoan.															
33	Phan Thanh Thảo	10,0	10,0	9,0				9,0	8,8	9,2	9.2			Học tốt, chăm ngoan.															
34	Nguyễn Thị Thanh Thảo	9,0	10,0	9,0				9,0	9,8	9,4	9.2			Học tốt, chăm ngoan.															
35	Nguyễn Chí Thiện	8,0	8,0	9,0				8,8	9,5	8,9	8.9			Chăm, ngoan.															
36	Dương Đức Thịnh	10,0	8,0	9,0				7,0	9,3	8,6	8.1			Chăm, ngoan.															
37	Huỳnh Ngọc Thoại	8,0	9,0	9,0				9,5	8,8	8,9	8.7			Chăm, ngoan.															
38	Ngô Anh Thư	9,0	8,0	9,0				8,5	9,5	8,9	8.6			Chăm, ngoan.															
39	Phan Văn Toàn	9,0	8,0	8,0				8,3	9,3	8,7	8.3			Chăm, ngoan.															
40	Dương Thị Thu Trang	9,0	9,0	10,0				9,0	9,8	9,4	9.2			Học tốt, chăm ngoan.															
41	Bùi Thị Kim Tuyền	10,0	9,0	8,0				8,5	9,5	9,1	8.8			Học tốt, chăm ngoan.															
42	Bùi Thị Thảo Vi	10,0	9,0	9,0				8,8	9,3	9,2	8.8			Học tốt, chăm ngoan.															
43	Trương Huỳnh Quang Vinh	10,0	9,0	8,0				9,8	8,8	9,1	8.8			Học tốt, chăm ngoan.															
44	Phan Hà Xuân Yến	9,0	8,0	8,0				8,0	9,0	8,5	8.3			Chăm, ngoan.															

Giáo viên môn học

(Ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Thị Lệ Huyền

HỌC KỲ II														
Ngoại ngữ 1		(dùng cho môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số)												
STT	Họ và tên	ĐDGTx					ĐDGGk	ĐDGGck	ĐTBmhk	ĐTBmcn	Đánh giá lại		Ghi Chú	
											ĐTBmhkII	ĐTBmcn		
1	Nguyễn Phạm Đình An	6,0	9,0	9,0	8,5		6,3	7,6	7,5	7.0			Học khá, ngoan.	
2	Nguyễn Thị Kim Anh	3,5	9,0	8,0	9,0		6,0	6,2	6,7	6.8			Học khá, ngoan, cần cố gắng hơn.	
3	Dương Tuấn Anh	4,5	9,0	9,5	8,5		8,3	7,6	7,9	7.4			Học khá, ngoan.	
4	Trần Huỳnh Văn Anh	5,0	9,0	9,5	10,0		6,0	6,7	7,3	7.3			Học khá, ngoan.	
5	Lê Quốc Cường	6,0	9,0	10,0	9,5		6,3	7,7	7,8	7.4			Học khá, ngoan.	
6	Nguyễn Thành Đại	5,5	9,0	9,5	10,0		4,5	5,8	6,7	6.5			Học khá, ngoan, cần cố gắng hơn.	
7	Phạm Minh Đạt	3,5	9,0	9,0	9,5		6,5	6,3	7,0	7.0			Học khá, ngoan.	
8	Nguyễn Trường Giang	5,0	9,0	9,5	8,0		7,8	7,7	7,8	7.7			Học khá, ngoan.	
9	Vương Ngọc Gia Hân	4,5	9,0	7,5	9,0		5,8	6,6	6,8	7.0			Học khá, ngoan, cần cố gắng hơn.	
10	Cao Nguyễn Gia Hân	6,5	9,0	10,0	8,0		5,8	6,1	7,0	7.1			Học khá, ngoan.	
11	Nguyễn Huỳnh Ngọc Hân	5,0	10,0	8,0	9,0		8,0	8,8	8,3	8.4			Học giỏi, chăm ngoan	
12	Lê Trọng Hiếu	6,5	9,0	9,5	9,0		3,0	4,9	6,1	6.1			Cần cố gắng hơn	
13	Nguyễn Văn Hiếu	7,5	9,0	10,0	8,0		6,3	6,1	7,3	6.7			Học khá, ngoan.	
14	Nguyễn Ngọc Minh Huy	8,5	9,0	9,5	7,0		7,5	9,0	8,4	8.1			Học giỏi, chăm ngoan	
15	Nguyễn Kelly	6,0	8,0	10,0	8,5		9,0	8,9	8,6	8.5			Học tốt, ngoan.	
16	Đỗ Hữu Khang	10,0	10,0	9,5	8,0		6,5	7,2	8,0	8.0			Học tốt, ngoan.	
17	Phạm Hữu Khánh	4,5	9,0	9,5	7,0		5,8	7,0	7,0	6.5			Học khá, ngoan.	
18	Nguyễn Trung Kiên	6,5	8,0	7,0	9,0		6,5	5,6	6,7	6.7			Học khá, ngoan, cần cố gắng hơn.	
19	Dương Minh Kiệt	5,5	9,0	4,5	9,0		4,5	6,3	6,2	6.3			Cần cố gắng hơn	
20	Nguyễn Ngọc Lâm	6,0	7,0	6,0	7,0		6,5	6,7	6,6	6.3			Cần cố gắng hơn	
21	Lê Ngọc Liễu	6,0	8,0	6,5	9,0		7,0	7,0	7,2	7.4			Học khá, ngoan.	
22	Huỳnh Thị Yến Linh	5,5	9,0	7,0	7,5		8,0	8,4	7,8	7.7			Học khá, ngoan.	
23	Trần Quang Lộc	3,0	9,0	9,5	9,0		5,3	7,6	7,1	7.1			Học khá, ngoan.	
24	Nguyễn Thị Phụng Nghi	6,5	9,0	9,0	8,0		8,5	8,7	8,4	7.8			Học giỏi, chăm ngoan	
25	Nguyễn Bảo Ngọc	8,0	9,0	9,0	9,0		7,0	8,0	8,1	8.1			Học tốt, ngoan.	
26	Dương Trọng Nhân	4,0	9,0	9,5	9,5		3,5	4,6	5,9	6.0			Cần cố gắng hơn	
27	Đỗ Nhật Ninh	6,5	9,0	9,5	9,0		6,3	5,8	7,1	7.3			Học khá, ngoan.	
28	Nguyễn Thiên Phúc	9,0	9,0	9,5	10,0		9,3	8,5	9,1	8.9			Học giỏi, chăm ngoan	
29	Võ Ngô Mỹ Quyền	6,0	9,0	9,0	8,0		6,8	8,3	7,8	7.4			Học khá, ngoan.	
30	Võ Dương Tổ Quyền	7,5	9,0	7,0	8,5		6,3	4,1	6,3	6.8			Cần cố gắng hơn	
31	Trần Phúc Phương Quỳnh	7,5	9,0	10,0	9,0		7,0	7,4	8,0	8.1			Học tốt, ngoan.	
32	Nguyễn Thanh Thanh	6,0	9,0	10,0	8,0		8,0	9,2	8,5	8.6			Học giỏi, chăm ngoan	
33	Phan Thanh Thảo	7,5	9,0	10,0	10,0		9,5	9,1	9,2	9.0			Học giỏi, chăm ngoan	
34	Nguyễn Thị Thanh Thảo	7,5	9,0	9,0	8,5		7,3	7,2	7,8	7.2			Học khá, ngoan.	
35	Nguyễn Chí Thiện	6,0	9,0	6,0	8,0		8,0	8,2	7,7	7.8			Học khá, ngoan.	
36	Dương Đức Thịnh	4,5	9,0	7,5	9,0		4,0	4,9	5,9	5.9			Cần cố gắng hơn	
37	Huỳnh Ngọc Thoại	7,5	9,0	9,5	7,0		7,5	7,9	8,0	7.8			Học tốt, ngoan.	
38	Ngô Anh Thư	7,0	9,0	9,5	8,0		6,5	8,5	8,0	8.1			Học tốt, ngoan.	
39	Phan Văn Toàn	6,0	8,0	9,5	8,0		6,8	5,6	6,9	6.5			Học khá, ngoan.	
40	Dương Thị Thu Trang	6,5	9,0	7,0	8,0		7,0	8,4	7,7	7.7			Học khá, ngoan.	
41	Bùi Thị Kim Tuyền	6,0	9,0	6,5	8,0		6,8	6,9	7,1	7.1			Học khá, ngoan.	
42	Bùi Thị Thảo Vi	7,0	9,0	6,5	8,0		7,0	7,9	7,6	7.6			Học khá, ngoan.	
43	Trương Huỳnh Quang Vinh	6,0	9,0	9,5	7,0		7,5	8,4	8,0	7.6			Học tốt, ngoan.	
44	Phan Hà Xuân Yến	6,5	7,0	8,0	8,0		6,0	6,9	6,9	6.8			Cần cố gắng hơn	

Giáo viên môn học

(Ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Thị Kim Thoa

HỌC KỲ II Giáo Dục Quốc Phòng (dùng cho môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số)													
STT	Họ và tên	ĐĐGtx					ĐĐGgk	ĐĐGck	ĐTBmhk	ĐTBmcn	Đánh giá lại		Ghi Chú
											ĐTBmhkII	ĐTBmcn	
1	Nguyễn Phạm Đình An	7,0	9,0				8,0	8,0	8,0	8.0			Học tốt, chăm ngoan.
2	Nguyễn Thị Kim Anh	8,0	9,0				9,0	9,0	8,9	8.8			Học tốt, chăm ngoan.
3	Dương Tuấn Anh	7,0	8,0				8,0	8,0	7,9	8.0			Học khá, có cố gắng.
4	Trần Huỳnh Văn Anh	8,0	8,0				8,0	8,0	8,0	8.2			Học khá, có cố gắng.
5	Lê Quốc Cường	10,0	10,0				9,0	9,0	9,3	9.2			Học tốt, chăm ngoan.
6	Nguyễn Thành Đại	10,0	10,0				9,0	10,0	9,7	9.3			Học tốt, chăm ngoan.
7	Phạm Minh Đạt	8,0	8,0				9,0	9,0	8,7	8.7			Học tốt, chăm ngoan.
8	Nguyễn Trường Giang	8,0	8,0				9,0	9,0	8,7	8.6			Học tốt, chăm ngoan.
9	Vương Ngọc Gia Hân	7,0	8,0				8,0	9,0	8,3	8.4			Học tốt, chăm ngoan.
10	Cao Nguyễn Gia Hân	7,0	8,0				8,0	9,0	8,3	8.3			Học tốt, chăm ngoan.
11	Nguyễn Huỳnh Ngọc Hân	7,0	8,0				8,0	9,0	8,3	8.5			Học tốt, chăm ngoan.
12	Lê Trọng Hiếu	9,0	10,0				9,0	10,0	9,6	9.1			Học tốt, chăm ngoan.
13	Nguyễn Văn Hiếu	7,0	8,0				8,0	9,0	8,3	8.0			Học tốt, chăm ngoan.
14	Nguyễn Ngọc Minh Huy	7,0	8,0				8,0	9,0	8,3	8.1			Học tốt, chăm ngoan.
15	Nguyễn Kelly	7,0	7,0				8,0	8,0	7,7	7.6			Học khá, có cố gắng.
16	Đỗ Hữu Khang	9,0	10,0				9,0	9,0	9,1	9.0			Học tốt, chăm ngoan.
17	Phạm Hữu Khánh	7,0	8,0				8,0	9,0	8,3	8.4			Học tốt, chăm ngoan.
18	Nguyễn Trung Kiên	7,0	8,0				8,0	8,0	7,9	8.0			Học khá, có cố gắng.
19	Dương Minh Kiệt	7,0	8,0				8,0	8,0	7,9	8.1			Học khá, có cố gắng.
20	Nguyễn Ngọc Lâm	9,0	8,0				8,0	8,0	8,1	8.0			Học tốt, chăm ngoan.
21	Lê Ngọc Liễu	7,0	8,0				8,0	8,0	7,9	8.0			Học khá, có cố gắng.
22	Huỳnh Thị Yến Linh	8,0	8,0				8,0	9,0	8,4	8.5			Học tốt, chăm ngoan.
23	Trần Quang Lộc	10,0	10,0				9,0	9,0	9,3	9.1			Học tốt, chăm ngoan.
24	Nguyễn Thị Phụng Nghi	9,0	9,0				9,0	9,0	9,0	9.0			Học tốt, chăm ngoan.
25	Nguyễn Bảo Ngọc	10,0	9,0				9,0	9,0	9,1	8.8			Học tốt, chăm ngoan.
26	Dương Trọng Nhân	7,0	8,0				8,0	9,0	8,3	8.5			Học tốt, chăm ngoan.
27	Đỗ Nhật Ninh	8,0	8,0				9,0	9,0	8,7	8.6			Học tốt, chăm ngoan.
28	Nguyễn Thiên Phúc	10,0	10,0				9,0	10,0	9,7	9.4			Học tốt, chăm ngoan.
29	Võ Ngô Mỹ Quyên	9,0	9,0				9,0	8,0	8,6	8.7			Học khá, có cố gắng.
30	Võ Dương Tổ Quyên	8,0	8,0				8,0	8,0	8,0	8.1			Học khá, có cố gắng.
31	Trần Phúc Phương Quỳnh	8,0	9,0				9,0	8,0	8,4	8.5			Học tốt, chăm ngoan.
32	Nguyễn Thanh Thanh	9,0	9,0				9,0	9,0	9,0	9.1			Học tốt, chăm ngoan.
33	Phan Thanh Thảo	9,0	9,0				9,0	9,0	9,0	9.1			Học tốt, chăm ngoan.
34	Nguyễn Thị Thanh Thảo	9,0	8,0				9,0	9,0	8,9	8.8			Học tốt, chăm ngoan.
35	Nguyễn Chí Thiện	9,0	8,0				9,0	8,0	8,4	8.4			Học tốt, chăm ngoan.
36	Dương Đức Thịnh	9,0	10,0				9,0	10,0	9,6	9.5			Học tốt, chăm ngoan.
37	Huỳnh Ngọc Thoại	9,0	8,0				9,0	9,0	8,9	8.6			Học tốt, chăm ngoan.
38	Ngô Anh Thư	8,0	8,0				9,0	9,0	8,7	8.7			Học tốt, chăm ngoan.
39	Phan Văn Toàn	7,0	8,0				7,0	8,0	7,6	7.7			Học khá, có cố gắng.
40	Dương Thị Thu Trang	10,0	10,0				9,0	9,0	9,3	9.1			Học tốt, chăm ngoan.
41	Bùi Thị Kim Tuyền	7,0	9,0				8,0	8,0	8,0	8.2			Học khá, có cố gắng.
42	Bùi Thị Thảo Vi	10,0	10,0				9,0	9,0	9,3	9.1			Học tốt, chăm ngoan.
43	Trương Huỳnh Quang Vinh	7,0	9,0				8,0	9,0	8,4	8.5			Học khá, có cố gắng.
44	Phan Hà Xuân Yến	8,0	9,0				8,0	8,0	8,1	8.3			Học khá, có cố gắng.

Giáo viên môn học
(Ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Văn En

(dùng cho môn học đánh giá bằng nhận xét)

Giáo viên môn học
(Ký và ghi rõ họ tên)

trang 41/48

HỌC KỲ II

Giáo dục địa phương

(dùng cho môn học đánh giá bằng nhận xét)

STT	Họ và tên	Mức đánh giá										Ghi Chú	
		Đạt(Đ), Chưa đạt(CĐ)											
		Thường Xuyên					Giữa kỳ	Cuối kỳ	Học kỳ	Cuối năm	Mức đánh giá lại		
										Đạt(Đ), Chưa đạt (CĐ)	Học kỳ	Cuối năm	
1	Nguyễn Phạm Đình An	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Ngoan, chăm chỉ và rất cố gắng.
2	Nguyễn Thị Kim Anh	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Ngoan, chăm chỉ và rất cố gắng.
3	Dương Tuấn Anh	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Ngoan, chăm chỉ và rất cố gắng.
4	Trần Huỳnh Văn Anh	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Học tốt
5	Lê Quốc Cường	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt nhiệm vụ
6	Nguyễn Thành Đại	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Rất cố gắng, đáng khen
7	Phạm Minh Đạt	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Chăm chỉ, năng động và sáng tạo
8	Nguyễn Trường Giang	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Rất cố gắng, đáng khen
9	Vương Ngọc Gia Hân	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Học khá, có sáng tạo và năng động
10	Cao Nguyễn Gia Hân	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Chăm chỉ, năng động và sáng tạo
11	Nguyễn Huỳnh Ngọc Hân	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Rất cố gắng, đáng khen
12	Lê Trọng Hiếu	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Chăm chỉ, năng động và sáng tạo
13	Nguyễn Văn Hiếu	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Học khá, có sáng tạo và năng động
14	Nguyễn Ngọc Minh Huy	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Tinh thần học tập tốt, năng động
15	Nguyễn Kelly	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Giỏi, có nhiều tiến bộ trong học tập
16	Đỗ Hữu Khang	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Chăm chỉ, năng động và sáng tạo
17	Phạm Hữu Khánh	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Giỏi, có nhiều tiến bộ trong học tập
18	Nguyễn Trung Kiên	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Học khá, có sáng tạo và năng động
19	Dương Minh Kiệt	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Giỏi, có nhiều tiến bộ trong học tập
20	Nguyễn Ngọc Lâm	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Chăm chỉ, năng động và sáng tạo
21	Lê Ngọc Liễu	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Ngoan, chăm chỉ, gương mẫu
22	Huỳnh Thị Yến Linh	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Ngoan, chăm chỉ, gương mẫu
23	Trần Quang Lộc	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Ngoan, chăm chỉ, gương mẫu
24	Nguyễn Thị Phụng Nghi	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Chăm chỉ, năng động và sáng tạo
25	Nguyễn Bảo Ngọc	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Ngoan, chăm chỉ và rất cố gắng.
26	Dương Trọng Nhân	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Rất cố gắng, đáng khen
27	Đỗ Nhật Ninh	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Ngoan, chăm chỉ và rất cố gắng.
28	Nguyễn Thiên Phúc	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Ngoan, chăm chỉ, gương mẫu
29	Võ Ngô Mỹ Quyên	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Ngoan, chăm chỉ và rất cố gắng.
30	Võ Dương Tổ Quyên	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Ngoan, chăm chỉ, gương mẫu
31	Trần Phúc Phương Quỳnh	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Giỏi, có nhiều tiến bộ trong học tập
32	Nguyễn Thanh Thanh	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Rất cố gắng, đáng khen
33	Phan Thanh Thảo	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Tinh thần học tập tốt, năng động
34	Nguyễn Thị Thanh Thảo	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Chăm chỉ, năng động và sáng tạo
35	Nguyễn Chí Thiện	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Tinh thần học tập tốt, năng động
36	Dương Đức Thịnh	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Rất cố gắng, đáng khen
37	Huỳnh Ngọc Thoại	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Rất cố gắng, đáng khen
38	Ngô Anh Thư	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Chăm chỉ, năng động và sáng tạo
39	Phan Văn Toàn	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Rất cố gắng, đáng khen
40	Dương Thị Thu Trang	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Học khá, có sáng tạo và năng động
41	Bùi Thị Kim Tuyền	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Rất cố gắng, đáng khen
42	Bùi Thị Thảo Vi	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Rất cố gắng, đáng khen
43	Trương Huỳnh Quang Vinh	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Giỏi, có nhiều tiến bộ trong học tập
44	Phan Hà Xuân Yến	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Tinh thần học tập tốt, năng động

Giáo viên môn học

(Ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Thị Lệ Huyền, Võ Thị Kiều Trang

HĐTrN-HN														HỌC KỲ II														(dùng cho môn học đánh giá bằng nhận xét)													
STT	Họ và tên	Mức đánh giá												Ghi Chú																											
		Đạt(Đ), Chưa đạt(CĐ)																																							
		Thường Xuyên						Giữa kỳ	Cuối kỳ	Học kỳ	Cuối năm	Mức đánh giá lại																													
												Đạt(Đ), Chưa đạt (CĐ)		Học kỳ	Cuối năm																										
1	Nguyễn Phạm Đình An	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Tích cực trong giờ học!																											
2	Nguyễn Thị Kim Anh	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Tích cực trong giờ học!																											
3	Dương Tuấn Anh	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Tích cực trong giờ học!																											
4	Trần Huỳnh Văn Anh	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Tích cực trong giờ học!																											
5	Lê Quốc Cường	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Tích cực trong giờ học!																											
6	Nguyễn Thành Đại	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Chăm, ngoan, tích cực trong giờ học!																											
7	Phạm Minh Đạt	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Tích cực trong giờ học!																											
8	Nguyễn Trường Giang	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Tích cực trong giờ học!																											
9	Vương Ngọc Gia Hân	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Tích cực trong giờ học!																											
10	Cao Nguyễn Gia Hân	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Tích cực trong giờ học!																											
11	Nguyễn Huỳnh Ngọc Hân	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Chăm, ngoan, tích cực trong giờ học!																											
12	Lê Trọng Hiếu	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Chăm, ngoan, tích cực trong giờ học!																											
13	Nguyễn Văn Hiếu	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Tích cực trong giờ học!																											
14	Nguyễn Ngọc Minh Huy	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Tích cực trong giờ học!																											
15	Nguyễn Kelly	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Tích cực trong giờ học!																											
16	Đỗ Hữu Khang	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Tích cực trong giờ học!																											
17	Phạm Hữu Khánh	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Tích cực trong giờ học!																											
18	Nguyễn Trung Kiên	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Tích cực trong giờ học!																											
19	Dương Minh Kiệt	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Tích cực trong giờ học!																											
20	Nguyễn Ngọc Lâm	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Tích cực trong giờ học!																											
21	Lê Ngọc Liễu	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Tích cực trong giờ học!																											
22	Huỳnh Thị Yến Linh	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Tích cực trong giờ học!																											
23	Trần Quang Lộc	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Tích cực trong giờ học!																											
24	Nguyễn Thị Phụng Nghi	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Tích cực trong giờ học!																											
25	Nguyễn Bảo Ngọc	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Chăm, ngoan, tích cực trong giờ học!																											
26	Dương Trọng Nhân	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Tích cực trong giờ học!																											
27	Đỗ Nhật Ninh	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Tích cực trong giờ học!																											
28	Nguyễn Thiên Phúc	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Tích cực trong giờ học!																											
29	Võ Ngô Mỹ Quyên	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Tích cực trong giờ học!																											
30	Võ Dương Tổ Quyên	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Tích cực trong giờ học!																											
31	Trần Phúc Phương Quỳnh	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Tích cực trong giờ học!																											
32	Nguyễn Thanh Thanh	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Chăm, ngoan, tích cực trong giờ học!																											
33	Phan Thanh Thảo	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Tích cực trong giờ học!																											
34	Nguyễn Thị Thanh Thảo	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Tích cực trong giờ học!																											
35	Nguyễn Chí Thiện	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Chăm, ngoan, tích cực trong giờ học!																											
36	Dương Đức Thịnh	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Tích cực trong giờ học!																											
37	Huỳnh Ngọc Thoại	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Tích cực trong giờ học!																											
38	Ngô Anh Thư	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Chăm, ngoan, tích cực trong giờ học!																											
39	Phan Văn Toàn	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Tích cực trong giờ học!																											
40	Dương Thị Thu Trang	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Tích cực trong giờ học!																											
41	Bùi Thị Kim Tuyền	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Tích cực trong giờ học!																											
42	Bùi Thị Thảo Vi	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Tích cực trong giờ học!																											
43	Trương Huỳnh Quang Vinh	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Tích cực trong giờ học!																											
44	Phan Hà Xuân Yến	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Tích cực trong giờ học!																											

Giáo viên môn học
(Ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Bùi Yến Khanh

TỔNG HỢP HỌC KỲ II

Số T T	Họ và tên	Môn học đánh giá bằng nhận xét			Môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số									Kết quả học tập	Kết quả rèn luyện
		Giáo dục thể chất	Giáo dục địa phương	HDTrN- HN	Toán	Vật lý	Hóa học	Sinh học	Tin học	Ngữ văn	Lịch sử	Ngoại ngữ 1	Giáo Dục Quốc Phòng		
1	Nguyễn Phạm Định An	Đ	Đ	Đ	7,9	8,4	8,7	8,4	9,3	8,4	8,8	7,5	8,0	T	T
2	Nguyễn Thị Kim Anh	Đ	Đ	Đ	8,7	8,1	8,3	9,0	9,4	8,5	8,9	6,7	8,9	T	T
3	Dương Tuấn Anh	Đ	Đ	Đ	7,2	8,5	8,4	8,7	8,9	8,7	8,8	7,9	7,9	T	T
4	Trần Huỳnh Văn Anh	Đ	Đ	Đ	7,7	8,6	7,6	9,0	9,2	9,5	9,1	7,3	8,0	T	T
5	Lê Quốc Cường	Đ	Đ	Đ	7,9	8,6	7,5	8,3	9,2	8,7	9,1	7,8	9,3	T	T
6	Nguyễn Thành Đại	Đ	Đ	Đ	8,0	8,8	8,1	8,7	9,2	9,4	9,2	6,7	9,7	T	T
7	Phạm Minh Đạt	Đ	Đ	Đ	7,9	8,4	8,1	8,4	9,3	8,1	8,9	7,0	8,7	T	T
8	Nguyễn Trường Giang	Đ	Đ	Đ	9,2	8,7	9,1	9,4	9,4	9,2	8,7	7,8	8,7	T	T
9	Vương Ngọc Gia Hân	Đ	Đ	Đ	8,1	8,5	7,7	8,6	9,4	8,4	9,3	6,8	8,3	T	T
10	Cao Nguyễn Gia Hân	Đ	Đ	Đ	8,1	8,5	8,7	8,8	9,5	9,2	9,3	7,0	8,3	T	T
11	Nguyễn Huỳnh Ngọc Hân	Đ	Đ	Đ	8,8	8,8	9,3	9,1	9,5	9,1	9,1	8,3	8,3	T	T
12	Lê Trọng Hiếu	Đ	Đ	Đ	9,0	8,4	8,4	8,8	9,0	8,3	8,3	6,1	9,6	K	T
13	Nguyễn Văn Hiếu	Đ	Đ	Đ	9,9	9,1	9,0	8,6	9,6	8,9	8,6	7,3	8,3	T	T
14	Nguyễn Ngọc Minh Huy	Đ	Đ	Đ	9,1	8,7	9,2	8,6	8,9	8,6	8,7	8,4	8,3	T	T
15	Nguyễn Kelly	Đ	Đ	Đ	7,8	8,4	7,6	8,5	9,0	9,1	8,6	8,6	7,7	T	T
16	Đỗ Hữu Khang	Đ	Đ	Đ	7,8	8,7	8,6	8,5	9,2	9,1	8,9	8,0	9,1	T	T
17	Phạm Hữu Khánh	Đ	Đ	Đ	7,8	8,5	6,9	8,4	9,4	8,3	8,8	7,0	8,3	T	T
18	Nguyễn Trung Kiên	Đ	Đ	Đ	8,6	8,3	8,6	8,3	9,0	8,2	9,0	6,7	7,9	T	T
19	Dương Minh Kiệt	Đ	Đ	Đ	7,9	8,5	7,5	8,6	9,2	8,9	9,2	6,2	7,9	K	T
20	Nguyễn Ngọc Lâm	Đ	Đ	Đ	7,2	8,3	8,9	8,1	9,0	8,4	9,1	6,6	8,1	T	T
21	Lê Ngọc Liễu	Đ	Đ	Đ	9,2	8,5	8,0	8,6	9,2	9,3	8,3	7,2	7,9	T	T
22	Huỳnh Thị Yến Linh	Đ	Đ	Đ	8,9	8,8	8,6	8,3	9,5	8,9	9,4	7,8	8,4	T	T
23	Trần Quang Lộc	Đ	Đ	Đ	9,7	9,5	9,5	8,6	9,6	9,3	8,3	7,1	9,3	T	T
24	Nguyễn Thị Phụng Nghi	Đ	Đ	Đ	9,0	8,9	9,1	8,6	9,4	9,4	9,1	8,4	9,0	T	T
25	Nguyễn Bảo Ngọc	Đ	Đ	Đ	8,7	9,1	7,9	8,1	9,4	9,5	9,4	8,1	9,1	T	T
26	Dương Trọng Nhân	Đ	Đ	Đ	7,8	8,5	7,5	8,6	9,4	8,8	8,9	5,9	8,3	K	T
27	Đỗ Nhựt Ninh	Đ	Đ	Đ	7,9	8,5	7,2	8,6	9,3	8,2	8,1	7,1	8,7	T	T
28	Nguyễn Thiên Phúc	Đ	Đ	Đ	8,6	8,3	8,0	8,3	9,1	8,8	9,2	9,1	9,7	T	T
29	Vô Ngô Mỹ Quyên	Đ	Đ	Đ	8,2	8,3	9,3	8,7	9,0	8,8	8,8	7,8	8,6	T	T
30	Vô Dương Tô Quyên	Đ	Đ	Đ	8,4	8,4	8,1	8,1	9,1	7,9	8,5	6,3	8,0	K	T
31	Trần Phúc Phương Quỳnh	Đ	Đ	Đ	8,6	9,1	9,5	8,4	9,1	8,5	9,0	8,0	8,4	T	T
32	Nguyễn Thanh Thanh	Đ	Đ	Đ	9,4	8,8	8,9	8,8	9,3	9,5	9,0	8,5	9,0	T	T
33	Phan Thanh Thảo	Đ	Đ	Đ	8,2	8,2	8,9	9,6	9,4	9,7	9,2	9,2	9,0	T	T
34	Nguyễn Thị Thanh Thảo	Đ	Đ	Đ	8,4	8,3	8,7	8,5	9,3	9,5	9,4	7,8	8,9	T	T
35	Nguyễn Chí Thiện	Đ	Đ	Đ	9,5	9,4	9,6	9,2	9,4	9,6	8,9	7,7	8,4	T	T
36	Dương Đức Thịnh	Đ	Đ	Đ	7,8	8,6	9,0	8,6	9,2	8,4	8,6	5,9	9,6	K	T
37	Huỳnh Ngọc Thoại	Đ	Đ	Đ	9,6	8,5	9,4	9,1	9,0	8,6	8,9	8,0	8,9	T	T
38	Ngô Anh Thư	Đ	Đ	Đ	8,9	9,1	9,3	8,6	9,4	9,4	8,9	8,0	8,7	T	T
39	Phan Văn Toàn	Đ	Đ	Đ	8,7	9,1	9,3	8,7	9,1	8,4	8,7	6,9	7,6	T	T
40	Dương Thị Thu Trang	Đ	Đ	Đ	7,8	8,3	9,0	8,6	9,4	8,8	9,4	7,7	9,3	T	T
41	Bùi Thị Kim Tuyền	Đ	Đ	Đ	8,0	8,4	7,5	8,5	9,0	8,3	9,1	7,1	8,0	T	T
42	Bùi Thị Thảo Vi	Đ	Đ	Đ	7,9	8,3	8,5	9,0	9,4	8,8	9,2	7,6	9,3	T	T
43	Trương Huỳnh Quang Vinh	Đ	Đ	Đ	8,7	8,8	8,8	8,3	9,4	9,2	9,1	8,0	8,4	T	T
44	Phan Hà Xuân Yến	Đ	Đ	Đ	7,7	8,4	8,5	8,5	9,2	8,6	8,5	6,9	8,1	T	T

Giáo viên chủ nhiệm

Ký và ghi rõ họ tên

Nguyễn Bùi Yến Khanh

PHẦN GHI KẾT QUẢ

CUỐI NĂM HỌC

TỔNG HỢP CẢ NĂM HỌC

Số TT	Họ và tên	Mức đánh giá		Mức đánh giá sau khi rèn luyện trong kì nghỉ hè; kiểm tra, đánh giá lại		Tổng số buổi nghỉ học	Được lên lớp	Không được lên lớp	Khen thưởng	Tổng hợp chung
		Kết quả rèn luyện	Kết quả học tập	Kết quả rèn luyện	Kết quả học tập					
1	Nguyễn Phạm Đình An	T	T			1	Đủ ĐK thi TN THPT		Học sinh Giỏi	Tổng số học sinh: 44
2	Nguyễn Thị Kim Anh	T	T			1	Đủ ĐK thi TN THPT		Học sinh Giỏi	
3	Dương Tuấn Anh	T	T			1	Đủ ĐK thi TN THPT		Học sinh Giỏi	
4	Trần Huỳnh Văn Anh	T	T				Đủ ĐK thi TN THPT		Học sinh Giỏi	
5	Lê Quốc Cường	T	T			1	Đủ ĐK thi TN THPT		Học sinh Giỏi	
6	Nguyễn Thành Đại	T	T				Đủ ĐK thi TN THPT		Học sinh Giỏi	- Đủ điều kiện thi tốt nghiệp THPT: 44 trong đó 0 học sinh Đủ điều kiện thi tốt nghiệp THPT sau khi học tập, rèn luyện thêm trong hè.
7	Phạm Minh Đạt	T	T			4	Đủ ĐK thi TN THPT		Học sinh Giỏi	
8	Nguyễn Trường Giang	T	T				Đủ ĐK thi TN THPT		Học sinh Giỏi	
9	Vương Ngọc Gia Hân	T	T				Đủ ĐK thi TN THPT		Học sinh Giỏi	
10	Cao Nguyễn Gia Hân	T	T				Đủ ĐK thi TN THPT		Học sinh Giỏi	
11	Nguyễn Huỳnh Ngọc Hân	T	T				Đủ ĐK thi TN THPT		Học sinh Giỏi	- Không đủ điều kiện thi tốt nghiệp THPT: 0
12	Lê Trọng Hiếu	T	K			2	Đủ ĐK thi TN THPT			
13	Nguyễn Văn Hiếu	T	T				Đủ ĐK thi TN THPT		Học sinh Giỏi	
14	Nguyễn Ngọc Minh Huy	T	T			2	Đủ ĐK thi TN THPT		Học sinh Giỏi	
15	Nguyễn Kelly	T	T			5	Đủ ĐK thi TN THPT		Học sinh Giỏi	
16	Đỗ Hữu Khang	T	T				Đủ ĐK thi TN THPT		Học sinh Giỏi	Giáo viên chủ nhiệm <i>(Ký và ghi rõ họ tên)</i>
17	Phạm Hữu Khánh	T	T			2	Đủ ĐK thi TN THPT		Học sinh Giỏi	
18	Nguyễn Trung Kiên	T	T			2	Đủ ĐK thi TN THPT		Học sinh Giỏi	
19	Dương Minh Kiệt	T	K				Đủ ĐK thi TN THPT			
20	Nguyễn Ngọc Lâm	T	K			7	Đủ ĐK thi TN THPT			
21	Lê Ngọc Liễu	T	T			4	Đủ ĐK thi TN THPT		Học sinh Giỏi	Hiệu trưởng <i>(Ký tên, đóng dấu)</i>
22	Huỳnh Thị Yến Linh	T	T				Đủ ĐK thi TN THPT		Học sinh Giỏi	
23	Trần Quang Lộc	T	T				Đủ ĐK thi TN THPT		Học sinh Xuất sắc	
24	Nguyễn Thị Phụng Nghi	T	T			2	Đủ ĐK thi TN THPT		Học sinh Giỏi	
25	Nguyễn Bảo Ngọc	T	T			4	Đủ ĐK thi TN THPT		Học sinh Giỏi	
26	Dương Trọng Nhân	T	K			1	Đủ ĐK thi TN THPT			Nguyễn Minh Triều
27	Đỗ Nhật Ninh	T	T			1	Đủ ĐK thi TN THPT		Học sinh Giỏi	
28	Nguyễn Thiên Phúc	T	T			3	Đủ ĐK thi TN THPT		Học sinh Giỏi	
29	Võ Ngô Mỹ Quyên	T	T			2	Đủ ĐK thi TN THPT		Học sinh Giỏi	
30	Võ Dương Tổ Quyên	T	T			4	Đủ ĐK thi TN THPT		Học sinh Giỏi	
31	Trần Phúc Phương Quỳnh	T	T			2	Đủ ĐK thi TN THPT		Học sinh Giỏi	
32	Nguyễn Thanh Thanh	T	T			2	Đủ ĐK thi TN THPT		Học sinh Xuất sắc	
33	Phan Thanh Thảo	T	T			1	Đủ ĐK thi TN THPT		Học sinh Xuất sắc	
34	Nguyễn Thị Thanh Thảo	T	T			1	Đủ ĐK thi TN THPT		Học sinh Giỏi	
35	Nguyễn Chí Thiện	T	T				Đủ ĐK thi TN THPT		Học sinh Xuất sắc	
36	Dương Đức Thịnh	T	K				Đủ ĐK thi TN THPT			
37	Huỳnh Ngọc Thoại	T	T				Đủ ĐK thi TN THPT		Học sinh Giỏi	
38	Ngô Anh Thư	T	T			4	Đủ ĐK thi TN THPT		Học sinh Giỏi	
39	Phan Văn Toàn	T	T			2	Đủ ĐK thi TN THPT		Học sinh Giỏi	
40	Dương Thị Thu Trang	T	T			2	Đủ ĐK thi TN THPT		Học sinh Giỏi	
41	Bùi Thị Kim Tuyền	T	T			3	Đủ ĐK thi TN THPT		Học sinh Giỏi	
42	Bùi Thị Thảo Vi	T	T				Đủ ĐK thi TN THPT		Học sinh Giỏi	
43	Trương Huỳnh Quang Vinh	T	T			2	Đủ ĐK thi TN THPT		Học sinh Giỏi	
44	Phan Hà Xuân Yến	T	T			7	Đủ ĐK thi TN THPT		Học sinh Giỏi	

**NHẬN XÉT CỦA HIỆU TRƯỞNG
VỀ SỬ DỤNG SỔ THEO DÕI VÀ ĐÁNH GIÁ HỌC SINH**

Tháng	Nhận xét cụ thể về sử dụng sổ	Ký tên, đóng dấu
Tháng 9	Đầy đủ, đúng quy định	Nguyễn Minh Triều
Tháng 10	Đầy đủ, đúng quy định	Nguyễn Minh Triều
Tháng 11	Đầy đủ, đúng quy định	Nguyễn Minh Triều
Tháng 12	Đầy đủ, đúng quy định	Nguyễn Minh Triều
Tháng 1	Đầy đủ, đúng quy định	Nguyễn Minh Triều

**NHẬN XÉT CỦA HIỆU TRƯỞNG VỀ
SỬ DỤNG SỔ THEO DÕI VÀ ĐÁNH GIÁ HỌC SINH**

Tháng	Nhận xét cụ thể về sử dụng sổ	Ký tên, đóng dấu
Tháng 2	Đầy đủ, đúng quy định	Nguyễn Minh Triều
Tháng 3	Đầy đủ, đúng quy định	Nguyễn Minh Triều
Tháng 4	Đầy đủ, đúng quy định	Nguyễn Minh Triều
Tháng 5	Đầy đủ, đúng quy định	Nguyễn Minh Triều